

TỬ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TỬ TRÌ KỶ

QUYỂN TRUNG (PHẦN 3)

Trong đơn đề, chín mươi, ba mươi đồng một thiên đề, vì tài có sự không nên khiến phân loại trước sau, muốn kết phạm để nói pháp sám không lẫn lộn.

Giới thứ nhất: (Đức Phật ngự tại nước Thích-Sí-Sấu, Tỳ-kheo Tượng Lục bàn luận với ngoại đạo, bị thua bèn nói trái với lời trước, đến trong tăng hỏi, lại nói trái với lời trước), trong tên giới chú giải giới có nêu cho nên nói giới vọng ngữ, chẳng phải tâm không phạm danh, nay nói tiểu là đối với đại mà nói, chỉ lìa thiên đầu chỗ nêu bày thánh pháp bên ngoài tất cả đều thuộc ở đây, đại hạn cuộc mà tiểu thông tìm có thể hiểu, nêu bày trong ý, ban đầu nêu bày số phạm, để khởi lời than, thêm ở sau hai pháp nói tâm cảnh để khuyên tu. Trong phần đầu, câu trên lặp lại chỉ bày. Chữ hỉ là khứ hô là hảo, lương trở xuống là giải thích lý do, sáu thức cấu tạo thành năng huân, tàng thức hợp thọ tức sở huân, hạt giống trong thức, nên gọi là Thức chủng, hai câu trên nói hoặc nặng, cho nên ở sau hai câu khởi nghiệp, trần cảnh tức ở sau dẫn thấy nghe, v.v... Hư cấu sự không chắc thật tức là nói dối. Không trở xuống hai câu nói mê khổ. Câu trên nghĩa là không nghĩ sinh tử, câu dưới nói độ thế vắng vặc. Dĩ trở xuống ba câu là than thở, câu trên nói về hư độ ở trên, câu dưới chỉ bày khổ báo ở sau, an sinh cũng như nói ở đời. Nhưng Sa-môn ở đời nên tu đạo làm gấp, dù vọng chấp ngã tự cho là sắp qua đời thân mê mờ mặc tình nghiệp dẫn sinh, nên nói là ngay sinh tử, v.v... sẽ đến, sắp xếp sai khiến, đối trị trí bằng nghiệp, thì có thể bài bác, đối trị có hai.

1- Sự hành, vả lại chế thì năng phục nghiệp.

2- Lý quán minh chiếu thì có diệt nghiệp, do người sắp chết tướng thiện ác hiện, ác mạnh thiện yếu, thân theo nghiệp đến, hưởng chi không có chút thiện, há có thể bác bỏ ư?

Kế trong khuyến tu tức nói giáo một gấp hai câu trên nêu định, hai câu dưới lại giải thích, nhưng sai, v.v... là giải thích câu kế ở trên, bất luận là giải thích câu đầu ở trên.

Trong luật chép: nếu không thấy, không nghe, không hay, không biết là trong đó có thấy tưởng, nghe tưởng, hay tưởng, biết tưởng. Lại nói ta không thấy, không nghe, không hay, không biết mà nói dối phạm Ba-dật-đề. Nếu nói về vọng ngữ thì cảnh lường dối thành phạm đối với nghĩa dễ biết, nay cảnh này thật trái tưởng cũng phạm, dạy chỉ y cứ về tâm chớ gấp có thể thấy, hư thật đều phạm nên nói tất cả trong duyên phạm. Ba pháp là vọng nghiệp, có bốn tức cố làm, khoa đầu trong phần giải thích. Luận Tát-bà-đa có bốn câu, câu đầu nêu dù câu khác lệ theo đó mà làm, nên nói hai pháp nói dối là hai lưỡi chẳng phải ác khẩu (truyền người này lời nói với người kia, vì không thật cho nên là nói dối, có tâm chia lìa nên là hai lưỡi, lời mềm mỏng cho nên chẳng phải ác khẩu), ba là nói dối chẳng phải hai lưỡi là ác khẩu (không thật nói lời thô, không có tâm chia rẽ), bốn là nói dối là ác khẩu (trên đây nên biết), câu đầu riêng phối hợp chỉ hạn cuộc giới này, trong hai pháp này đều phạm thì liên quan đến hai giới, thứ tư đều phạm thì chung ba giới, nói có không là nói dối bốn câu đều có, hai lưỡi ác khẩu câu đầu đều không, trong hai pháp mỗi pháp thứ tư mới đủ luận kia làm câu, về giới hai lưỡi lấy hai lưỡi làm đầu, còn hai giới chỉ lược. Nay trong số sao y theo luận ấy, y cứ nói dối nêu bày, thì kết ba giới đều đủ bốn câu, chỉ do bốn giới làm đầu, rõ ràng rất dễ hiểu. Trong Thành Luận nói miệng có bốn nghiệp, văn trên chỉ nói ba thứ ly hợp, cho nên dẫn giải thích.

Nói thêu dệt, người xưa giải thích rằng: như ở đời lựa thêu dệt xen nhau trau chuốt thành văn, hoặc nói trau chuốt lời nói, nói trái đạo lý nên gọi là người dựa, cũng gọi là nói vô nghĩa.

Hỏi: nếu không lìa nhau như lúc nói dối nên kết hai tội.

Đáp: Nói không xa lìa chẳng phải nói đồng phạm, chỉ còn ba pháp nói tà khúc phi nghĩa tức thuộc về thêu dệt, đây thời thêu dệt gọi là tướng chung, khác nhau. Nếu nói về phạm riêng thì giới sơ chép: tâm ôn hòa cười giỡn lỗi chẳng phải trái cượng đều chung tội nhỏ. Nếu tăng tác pháp mới phạm tội ba-dật-đề như ở sau miệng nói thêu dệt. Trong Thiện Sinh, đây tức hóa giáo mười nghiệp ly hợp.

Ban đầu nói tự làm, dạy người đồng thời

Ở sau y theo tà kiến tâm si hiển bày ra tướng. Vả lại nói tham sân không được đồng thời. Nếu nêu nghiệp tham thì không sân si, sân cũng nêu bày, dưới đó chỉ bày tướng, ngoài bảy chi bao gồm một tâm

nghiệp nên được thành tám, lại ba tâm nghiệp sẽ không có dạy người khác, thân miệng có bảy chi, trong đó có sáu có thể sai sử. Dâm ất tự tạo cho nên trong văn hai việc phải là tự làm, nếu theo tỳ-ni dạy dâm phạm thân-lan-già. Đây là theo căn bản cho nên chẳng phải sở luận. Nói hóa giáo mười điều lành, cấm tà chấp, cho phép chánh. Không có nghiệp đạo là bác không có tà kiến, tức là nghiệp si, nhưng si chung khó hiểu, nên nêu tướng riêng chỉ bày trong tướng phạm khoa đầu, trước dẫn hai luật. Pháp sư Tỳ-kheo là Tứ phần tướng lực, Ngũ phần giới Sa-lan. Trong lời sở chép: nhân nói pháp lành lại thực hành cuồng vọng dùng làm nhân khởi, hướng gì xen lẫn các việc mà được thành tin. Trong tạng ở sau, Ngũ Phần có nói: Trong phần Từ Địa chê bai Đạp-bà, Đức Phật nói: nếu ở trước Tỳ-kheo lòng tin liền chắc nói dối lại thêm giết hại vô lượng chúng sinh (nội phạm trở lên là Kiên tín) ở trước một vị Tỳ-kheo Kiên Pháp nói dối tội hơn trăm lần Kiên Tín (sơ quả trở lên gọi là kiên pháp) ở trước Tăng nói dối tội hơn trăm bậc A-la-hán (bốn người trở lên là tăng phạm thánh) dẫn chung văn này, do thế giảng sư hoặc lâm chúng nói pháp, hoặc có nói năng gì dẫn nhiều hư dối nên đặc biệt răn dạy:

Trăm bậc La-hán là nêu nhiều bậc thánh để so sánh phạm ít, tội còn vượt hơn, thật nên cố gắng.

Nói tội nặng là dựa theo nghiệp đạo, chẳng phải chế tội. Kế là dẫn trong luận Tát-bà-đa. Trong ấy nói: nếu nói pháp nghĩa luận, hoặc truyền người nói thì nói lên sở thuyết sở luận thì người khác truyền: là tự xưng luận thuộc về tự làm, nghĩa là lấy thuyết của người khác cho là của mình, chính là nương gá. Có bốn hoặc xem văn người khác, hoặc tự miệng trao, sẽ suy ra sở đắc để chỉ bày cho người, xưa nay người học ai tránh được lỗi này. Thánh giáo minh ước há không thức tỉnh bên trong. Không văn sau rút ra trong luận Trí Độ, bài kệ ấy chép: búa sinh trong miệng của sĩ Phu, cho nên chặt thân là do lời nói ác (bài kệ này dụ hiển bày kệ sau đối hợp) nên quở trách mà khen ngợi, nên khen ngợi mà quở trách, miệng chứa các điều ác, rốt cuộc không thấy vui. Ba câu trên là búa ở trong miệng, một câu sau là chém thân, đó là dụ chẳng phải lý ngôn luận, vọng nghiệp tức thành, tự mình tổn trước). Trong văn đầu bốn phần chia làm hai. Đầu tiên nêu bày căn trần, thấy nghe biết là căn, xúc tức là trần, trong xúc hợp có ba.

Trong luật nói: xúc là tỷ thức, thiệt thức, thân thức, đây là căn trần xen nhau nêu đủ sáu món. Nói trái tưởng tức thấy nói không thấy, cho đến biết nói không biết, trong luật lại nêu không thấy nói thấy cho

đến không biết nói biết hợp thành tám cảnh (khai riêng thì có mười hai). Văn lược ở có bốn nên nói cho đến. Chỗ thấy khác trong tâm hân thấy các hiện tượng ác, nói thấy tướng tốt, nên nói dị, những điều nhân khác là chịu khổ nói vui. Hoặc đồng làm Yết-ma không nhân nói nhân. Những điều tưởng lạ là oán tưởng nói thân luật lại có ba, nay dẫn tiếp theo. Ham muốn những điều khác là muốn cầu tài sắc nói ưa thích chánh pháp. Những điều xúc chạm lạ là bị lạnh nói nóng. Chỗ tâm lạ là duyên đây nói kia (đều y vào số giải).

Hỏi: Trên đều trái với tướng làm sao phân biệt?

Đáp: Trong số tự phán rằng: trước là đối với tướng sáu trần thực hành tướng vọng. Chỗ thấy lạ, v.v... tức hành tâm suy lường trái lại mà nói, là y theo ý.

Lại ở kế sau nói ba thời, trong luật nêu bốn câu, đầu tiên nói vốn khởi niệm đây ta sẽ nói đối (thời đầu) khi nói đối tự kiết là nói đối (thời chánh) nói đối mình kiết là nói đối (thời sau), trong cái trước thứ hai kiết hai thời (đồng với trên). Thời sau không nhớ, thứ ba vốn không khởi niệm này, thời trước vô tâm, thời chặng giữa, sau biết, thứ tư là trước sau vô tâm, thời chánh làm biết, luật căn cứ thời giữa, có bốn tâm đều nêu ra tội, trong sự sao dựa theo nghĩa trước sau được kết (do trong luật vốn khởi niệm, đây là thời chánh nói đối không nhớ được kết, nên ở ban đầu không nhớ sau nhớ cũng kết). Trong bốn câu thiếu đủ không nhất định, trong văn lại y cứ đủ là nói:

Hỏi: Tâm trước hết là khác với phương tiện xa nào?

Đáp: Đồng khác không nhất định, hoặc là trước khởi không thiếu phương tiện, nếu theo giới số thì gọi là phương tiện trước sau, nhưng phương tiện nói chung, nghĩa phải lựa chọn hiện, không thể lẫn lộn.

Như Tăng trở xuống ba pháp nói im lặng đối với có phạm không hối hận, ở chúng biểu hiện thanh tịnh, nhưng không phải miệng nói nên tội. Trong Thiện Sinh nói có hai:

Ban đầu nêu ra tướng nói đối có ba đoạn, đều dùng chữ nhược để phân, có nghi không nghi như trong luật có nói: Đối với thấy nghe, hay biết sinh nghi. Lại nói, không nghi thấy nghe, v.v... đối với không thấy nghe sinh nghi cũng như vậy. Lại đối với thấy nghe không nghi, lại nói có nghi ta thấy nghe, hoặc nói không thấy nghe đều đọa.

2- Thấy nghe, v.v... tức căn, trần, đại khác giống như luật trước. Giác là xúc chạm, do xúc chạm mà biết.

3- Hỏi không hỏi tức chỉ chỗ cuồng vọng ở sau, trong phần giải thích đều dựa theo người trước đây, âm vốn khác là chuyển ý ngôn

tướng cho không hiểu, nếu nói kế ở sau mà nói là giống, phá tướng tức phá chấp, thấy mà nói không thấy, v.v... như trong kinh luận phá nêu bày căn trần, không che giấu, đúng như pháp thực hành sám hối, phát lộ tội lỗi, nói không thấy, không nghe, không hay, không biết, v.v..., đây tuy tướng đồng nói dối mà chẳng phải cuồng vọng khác, cho nên không phạm.

Kế giải thích dị âm, hai câu đầu nêu chung như điên đảo trở xuống nêu riêng ba tướng, điên đảo nghĩa là trước sau điên loạn, như ở đời nói ngược lại, đại khác tiếng nói không rõ tuy không đảo lộn nhưng không hiện rõ được chỗ nói không hiểu nghĩa là tiếng hồ tiếng Hán âm lạ, tiếng của nước Sở, Hạ khác nhau mà ẩn trộm lời, v.v... nhưng khiến họ không hiểu đều ở đây đã bao gồm.

Hỏi: Lệ theo duyên y cứ để hiểu, khác âm không hiểu mà nói là phạm phải không?

Đáp: Tuy chẳng phải chánh giải mà không ngại nghe lời bất chánh. Lại trong duyên nói giải chỉ lấy nghe biết, cho nên trong Thập Tụng giới hai lữ, hiểu rồi nói lại phạm Ba-dật-đề. Trong luận Tát-ba-đa giải thích rằng: giải nên nói là nghe, đây có thể lệ theo chứng cứ. Trong luật Tăng-kỳ nói hư thì nói dối, thật thì giáo giết hại cả hai đều không được. Xem chỉ giáp thì trong luận chánh làm chỉ áp, ông chú giải nói âm Hồ, đồng với không thấy. Cổ Ký nói chẳng phải nói là đáp rằng không thấy, nhưng phương tiện tiếp dẫn để họ xem không thấy, cho nên trong chú giải nói phương tiện, v.v... Nhưng trong luật chánh làm lẽ rằng: nói là lời đáp, nếu y theo ý nghĩa chú giải lại chẳng phải tiện, do ở nước Hồ chánh là nói dối ở nước Hán lại là âm khác, cả hai đều không được, chỉ quy về nói dấu tay, chính là dấu chân, khiến họ xem dấu vết của thú thì khỏi lỗi trên. Lại bác bỏ chú văn trong Tăng-kỳ là người sau vọng thêm, không rõ là ai, nghi cho nên đều còn. Trong Thập Tụng có ba thứ nói người khác.

Ban đầu là hư dối chánh phạm giới này, kế gồm vọng xúc nã, thì phạm hai giới, sau tức xứng thật, dứt phạm giới sau, tức ở sau sáu mươi ba nghi nã giới, không phạm chặng giữa, chỉ có giới chú giải là trong luận nói, không thấy nói không thấy, cho đến biết nói biết, v.v... nay nói xứng tướng, ở lời nói tuy khác mà không đâu không nhiếp.

Giới thứ hai: (Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị hủy báng mắng nhiếc xử đoán việc người, do đó mà Phật chế). Trong tên giới có nói: ác khẩu, nhưng theo luật cũng chung cho pháp lành, nay

nói mắng nhiếc, chỉ là hủy nhục người khác, gồm chung cả thiện ác, dẫn trong lời khuyên. Trong Trí Luận nói chín mươi hai pháp ấy là nói: tất cả đạo Bồ-tát đều thanh tịnh ba nghiệp này, ban đầu thanh tịnh thân miệng ý, sau thanh tịnh cõi Phật. Tự thân nếu thanh tịnh cũng thanh tịnh người khác, vì sao? Vì không chỉ một người sinh trong cõi nước đều làm nhân duyên (đồng ở thọ sinh, đồng nghiệp sở cảm, ở đây nói Bồ-tát muốn nhiếp thủ, tịnh độ, thì phải giáo hóa người khiến thanh tịnh ba nghiệp, mới được đồng cảm). Nay dẫn ở sau hai câu để nói một người thọ sinh nương về báo độ thì nhiều người phải đồng nghiệp sở cảm, nay chỉ lấy ý không cần nêu câu văn là ở sau luận này tự giải thích. Nội pháp là nghiệp tức thiện, bất thiện, ngoại pháp là báo tức chỗ nương khí giới, báo cho nghiệp cảm nên nói là dữ. Như điều ác trở xuống trước chỉ bày ba nhân duyên ác để phối hợp với ba báo, lại y theo miệng và ý, lượng không nói thân, nhân quả đối nhau, tìm văn sẽ rõ, không làm kể ở sau nói ba điều lành, trái ba báo trên, nên nói ngay bằng. Ở sau nêu Di-lặc làm chứng, Đức Phật kia đời Đường lai thọ tám muôn tuổi, lúc bấy giờ ra đời dẫn văn này là ý nêu bày ác khẩu lỗi nặng cảm báo không thanh tịnh, khiến tự mình cố gắng.

Kế đó trong bốn luật, luật nói: Nói thiện là thiện (nhân quả vui) lời ác tự nóng bức (nhân quả khổ) chính ở sau nêu tình huống gút văn rộng kia, nên nói cho đến, trong luật nói đủ. Bà-la-môn ở nước Sát-thi-la có con trâu, đầu sức con trâu của trưởng giả, người đánh trăm chiếc xe đánh cực ngàn lượng vàng, Bà-la-môn ở trước chúng nói lời hủy nhục “này một sừng hãy kéo”, bấy giờ, con trâu hổ thẹn, không chịu ra sức, ông chủ lấy vàng lại, cho đến con trâu nói với Bà-la-môn rằng: vì ông ở trước chúng hủy nhục, lại khiến chủ bồi thường hai ngàn lượng, phải ở trước chúng khen rằng: “ngay thẳng sừng tốt”, chủ y theo lời con trâu, nên thẳng được người kia (trong luận Tát-ba-đa nói: vào kiếp sơ chưa có ba trong đường ác, chúng sinh đều từ trong cõi trời người đọa do tận đời trước, do đó có thể nói đủ như trong sơ dẫn). Trong duyên, hai lời dẫn Già luận chứng phải tự nói: truyền là đều nhẹ. Nên nói đều phạm cát-la.

Trong giải thích khoa đầu có sáu, ngặt vì vốn không nêu ra ba độc, hai pháp trên là sân, một pháp kế là tham, ba pháp sau đều si, tất cả tranh khởi là vượt sáu pháp này, nói là bốn. Có thể trị sáu pháp này, thì không tranh cãi. Trong tướng mắng nhiếc bốn luật chia làm hai. Ban đầu nói pháp ác lại có hai, trước nói tướng, chủng loại là sáu phẩm là chủng, tùy một phẩm trở xuống có nhiều tướng là loại.

1- Sinh trong nhà dòng họ thấp hèn, tức Chiên-đà-la, trừ phần chũng, trúc sừ chũng, xa sừ chũng, v.v...

2- Hạnh nghiệp: Tức hàng thịt, thợ săn, đánh cá làm giặc giữ thành.

3- Kỹ thuật thấp hèn, thợ rèn luyện làm mộc, làm ngói, đồ gốm, làm giày da, v.v...

4- Phạm lỗi, làm bảy tội, trong chú giải, nếu y cứ ngoài năm y thật cũng đồng, e rằng thật phạm quả trách, hủy bỏ không lỗi, nên đặc biệt chú giải.

Hỏi: Không thật thành hủy báng là phạm giới gì?

Đáp: Trước chê bai trong giới dẫn trong luật Tăng-kỳ rằng: trước với người bị chê bai mà mắng nhiếc chê bai, nói lời Phạm mỗi Tăng tàn, không nói tội chê bai, nay đây chủ giải rằng: y thei thật cũng phạm trái lại biết luống dối cũng thành mắng nhiếc, nay y theo văn trước chê bai nói dối ly hợp. Hoặc ý vốn dối chê bai gồm cả hủy nhục thì lẽ ra phải hợp kết, nếu riêng chê bai như trên trong Tăng-kỳ hoặc chuyên mắng nhiếc thì chỉ phạm giới này.

Lại trong bảy tội thì chê bai chia thành ba, phạm huỷ nhục hạn cuộc ở một ba-dật-đề đề như vậy mà biết.

5- Nhiều kết sử, từ tức giận cho đến năm trăm kết sử (y luật dẫn, không rõ phối hợp).

6- Lại như người mù trở xuống lại nêu ba bệnh, trong luật lại nêu các họa què, điếc, ngọng. Trong số nói ba bệnh trước nói tướng bên ngoài, nói theo tánh nghiệp thì ba pháp sau nói báo bệnh kia, là nói theo thân tâm.

Kế có ba ở sau chánh hạnh nghiệp mạ nhục, tức dùng sáu pháp trên chia làm ba vị:

Ban đầu nói thẳng.

2- So sánh người.

3- So sánh mình.

Trong văn đều lược nêu dòng họ thấp hèn, thứ ba lại bao gồm bệnh hoạn hạnh nghiệp, ngoài ra dùng chữ đấng là gồm nhiếp.

Hai chữ cho đến chỉ lược trong dòng họ thấp hèn có nhiều loại, chẳng vượt thứ lớp. Trong hai pháp lành, cả ba lệ như trên, lại mạ nhục trước mặt, văn lược khất thực nạp y, nên nói cho đến, đều cho rằng ý mượn việc lành kia ở hủy nhục, nhưng thuộc về lời ác trước tình lỗi nhẹ, nên tội có chia ra khác nhau, dẫn trong luật nói: ông là Chiên-đà-la, thợ cao, thợ gốm, thợ dệt, thợ da, trong đây mạ nhục mình chỉ có trọng, còn

mạ nhục người khác thì có ba bậc, vì thân sơ có khác nhau.

Mạ nhục bậc trung, trong luật chép: ông là dòng họ bậc trung (họ quan lại, họ ca kỹ).

Bậc hạ trong luật nói ông là dòng họ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, khởi lời này khiến họ hổ thẹn thì phạm (theo luật trước kia là ở sau mắng nhiếc đây là mắng trên, bởi theo chủng tánh tôn ti, thì nay trong số sao xen nhau, bèn y cứ lời ác sâu cạn, hoặc hai chữ thượng hạ viết lầm trước sau.

Bậc trung mắng nhiếc mình và cha mẹ đều phạm thâu-lan-già, Hòa-thượng, bằng hữu đều cát-la. Bậc hạ mắng nhiếc tất cả đều cát-la nên nói lần lượt giảm một bậc, v.v... So sánh bên ngoài luật ấy không nói về mặt so sánh, có lẽ là nói thuộc bốn phần trước, lia các tướng trước thêm một loại, trong chú giải lại y cứ theo dòng họ nêu ra tướng, ngoài ra đều y cứ theo mà biết, trong việc dứt tranh cãi có hai.

Ban đầu tức trong luật Tăng-kỳ, luật nói xiển đà tức nghiệp làm tội tở cho Trưởng giả, từng bị Bà-la-môn theo đánh đập quở trách không thôi, người chủ được thiên nhân thấy chỗ tranh cãi có kho vàng, nên sai người cố gắng dẫn ra lý do để nói việc tranh cãi này, pháp nhĩ như vậy vì không so lường được, (có thuyết nói người nghèo ở chỗ sang không được yên). Kế dẫn bốn luật, tức duyên khởi phòng giới. Đức Thế tôn cho làm phòng riêng, các Tỳ-kheo trong thành Khoáng Dã đến khát thực rất nhiều, các cư sĩ xa thấy chạy tránh, lại có một vị Tỳ-kheo phá chặt cây thân, thân cây đến bạch với Phật, khi Ca-diếp vào thành khát thực mọi người đều tránh mặt, Ca-diếp xét hỏi họ buồn bã im lặng không vui, sau do Phật vào thành, Ca-diếp đến chỗ Phật bạch rồi liền đi ra khỏi thành, sợ các Tỳ-kheo sinh tức giận, Đức Thế tôn nhóm tăng chế giới, nhưng Đức Phật nói thân cây đến báo, lại dẫn chuyện theo rỗng xin châu, theo chim xin cánh, nếu nói chỉ nêu, v.v... rốt cuộc không nói Ca-diếp nêu lỗi, dẫn ra đây khiến bắt chước theo dấu vết bậc thánh phòng xa hủy hoại nhau.

Không phạm có chín, năm pháp trước đều y theo thầy bạn thợ thầy mà thành, lời nói tuy thô ác mà trong tâm không tức giận, nên khai vị, như chú giải hiển rõ.

Sớ chép: vài điều liên quan đến chê bai tức là chánh đạo, nhưng tâm sân khó phục, chẳng phải người trí không thể hiểu được, cần phải xét kỹ, không thể tự lừa dối.

Ban đầu nói tướng lợi tức tạm cho người đồng học, khác trở xuống là ban thân; Bốn nói giáo thọ nghĩa là chỉ thẳng sự việc, khác với trên

là nói pháp nói luật, còn bốn pháp tức là y cứ về lý tán sót mất, trong chú giải phạm kết do trái nghi, miệng sai nghĩa là tâm biết nói sai, khác trở xuống là quên lầm.

Trong Thập tụng, nói tội khác là tự mình đã hủy phá nghĩa không lợi ích cho người khác, nêu lên sẽ thành tranh cãi nên khuyên cho dứt bỏ.

Giới thứ ba: (Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị truyền lời kia đây, nay chúng đấu tranh không thể dứt trừ, cho nên Phật chế) hai pháp trong danh là cảnh đã nói, lưỡi là vật để nói ra thành lời. Trong số chép: bốn này phiên dịch rất mộc mạc, do tuy hai lưỡi không khởi ý phân thì không phạm giới này, hiện trở lại là lời chia rẽ là được. Nay trong kinh luận nói chia rẽ đều dịch vào đời Đường, duyên phạm thứ nhất luật nêu mười chúng, đạo tục đều là năm trụ năm chúng, hai chúng bên ngoài thêm vương, thần ngoại đạo.

Trong giới số chép: ngay loại phạm ba-dật-đề, chín pháp còn lại đều phạm đột-cát-la, trong tướng phạm, trước dẫn luật này để giải thích tên. Kế dẫn luật Tăng-kỳ chỉ bày tướng phạm, nói pháp ác tức đồng với giới mắng nhiếc, trong ấy có bảy việc, ba việc trên có hạ, trung, thượng.

Ban đầu dòng họ có ba (hạ là Chiên-đà-la, v.v... trung là quan lại, v.v... thượng là Sát-đế-lợi, v.v...).

2- Nghiệp hạnh có ba (hạ là đồ để, v.v... trung là mua bán, bậc thượng là thượng nhân buôn vàng bạc).

3- Tướng mạo có ba (hạ là răng thiếu, trung là rất trắng rất đen, thượng là ba mươi hai tướng).

Bốn pháp sau thì không có ba phẩm, đều gọi là hạ, bốn bịnh là sốt rét ghẻ, điên cuồng, v.v...

5- Tội (Ba-la-di đến Đột-cát-la).

6- Mắng nhiếc làm việc dâm ở thế gian, nói lời thô ác, trong luật Tứ Phần không nói việc này.

7- Kiết sử (ngu si, ám độn, v.v... mỗi giáp nói ông là cú tuyệt, tức chỉ bày loại trên truyền bảo người kia, nếu ba loại trước có hạ, trung, thượng, tất cả đều phạm đọa, nay dẫn bốn pháp sau kết văn chung gồm bảy loại, bất luận là phẩm loại, muốn lìa đến phạm, nên nói không có, v.v... lìa bất lìa đọa, lìa là thủ tâm khởi không hiện cảnh trước. Sau dẫn trong luận Tát-bà-đa nêu bày khác, câu trên nói trong kết, như một thuyết chưa lìa lại có ba thuyết, nên ở sau nói duyên thức, giới này chỗ phạm bao gồm hai chỗ, nay chỉ tự xếp vào việc nhẹ, y theo đây nếu chỉ

truyền nói không muốn ly tán lý cũng không nặng. Tất cả phạm Đột-cát-la: luật kia chỉ nói đột-cát-la, mà trước nêu bày nhiều tướng đều là tội nhẹ, nên thêm tất cả mà bao gồm. Trong luật ấy chép: nói ông là ăn nhiều, cười giỡn, điên cuồng, lừa dối nhiều, v.v... truyền đến Tỳ-kheo nghe thì phạm Đột-cát-la, không nghe cũng phạm đột-cát-la, không phạm bậc trung, hai loại trên phá cận tập ác nhân. Ở đời có vị tăng bị vấn đục lại làm thủ chúng, người thế tục không kiết, vọng tướng gần gũi, hộ pháp lợi người nên phá không phạm, bạn ác đồng, Hòa-thượng, v.v... kế phá cùng mưu việc ác, không có nghĩa lợi là muốn cùng bàn luận xâm hoại thấp tăng.

Trong luật chép: thường thường nói phương tiện muốn làm. Phá ở sau là tổng kết, văn luật lại nêu các pháp Yết-ma hoại tăng, giúp hoại Tăng phi pháp phi luật.

Giới thứ tư: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, A-na-luật ngủ nhờ ban đêm trong nhà một người nữ, người nữ ấy khóa thân đến khuấy nhiễu, cho nên Phật chế. Tiền cảnh chẳng thù thắng nên phạm tội nhẹ, Tỳ-kheo trở xuống là nói nghi khác, theo sơ là đồng cách đêm.

1- Tăng bà cô gái đều năm.

2- Phải hạn cuộc vào ban đêm, nếu thay nhau ngồi nằm và ban ngày đều nằm đều phạm ngồi ngăn che. Nay đây vị tăng nằm, cô gái đứng, như trong chú giải có nói, tức chỉ giới sau, dẫn trong phần rắn dè. Luật Thập Tụng nói ban đầu chỉ bày chế gấp, La-hán bậc thánh tuy không cố phạm muốn hiển bày lỗi nặng rất rắn dè phạm phu, cho nên đồng một chế, như ở sau dụ hiển rõ tình người nữ, ý khiến xa lìa, luật này là duyên khởi của ngài A-na-luật. Ngoài ra ở sau chánh trách. Chống đối nghĩa là đặc biệt trách thánh chế, dẫn trong văn, thường thấy hai luận, ban đầu nói tướng nhà có hai, tức đều là nhà và cùng cửa. Chú thích cùng cửa, bộ tức là châu, xưa chép: làm nhà trong đó, trên hư không dựng cây xoan bằng để che đất, chặng giữa khai ngòi rãnh nước chảy ra, hoặc mười khoảng, năm khoảng, không ngăn cách đồng một cửa.

Kế giải thích tường che, tường là ngăn che, đồng thời nêu lên rất nhỏ, trở lên nên biết, như ở sau chỉ bày lượng nhà, văn đưa ra rất rộng, trở xuống nên y theo, sở đối kế sau lựa chọn cảnh người nữ, đi ngồi trên thuyền đều nói giống như ở đây, nên nói “cho đến”. Trong Thập Tụng ban đầu dẫn văn nên ở sau quyết nghĩa, tức y theo ở sau, trong luật Ngũ Phần có văn bạn bè. Có nói nghĩa là cầm đuốc. Trong Tăng-kỳ ba lần

khai, ban đầu khai cửa có khác nhau, tức nhà đồng và khác như Phật kế ở sau khai duyên gặp, tri thiết ngăn che cách đoạn, sự đồng chỗ khác, chú giải chỉ bày lập bày ngăn che, phải thành hai nhà, mỗi thứ không thông nhau mới khỏi lỗi này, một đầu để trong vách, một đầu để ngoài rèm cửa, nên nói tương đương cũng phải thấp. Câu cuối ngăn lẫn lộn, nếu không có ở sau ba lần nói rõ thay nhau nằm đứng, phương tiện lia lỗi. Nói không có phước là khiến phạm giới, nên trong chú giải thay nhau ngồi nằm đều phạm ngồi ngăn che, cho nên y theo luật Ngũ Phần có chung bạn bè. Luận Tát-bà-đa ban đầu nói phạm nhiều. Thứ hưởng nêu lên mười tội đọa còn bao nhiêu thì ví dụ biết. Nếu trở xuống là nói ngăn sâu, tuy chẳng phải đồng nhau cũng chế tội nhỏ, luật Ngũ Phần nói ngăn cách đều là nhà đồng với chỗ cửa, theo đây có bạn cũng không cho nằm. Trong cái không phạm có ba. Đầu tiên là mê quên không phạm, như ở sau không nhà không phạm, ba vị chính khác nhau, ba câu đầu che khắp mà ngăn thiếu, ba câu kế ngăn khắp mà che thiếu, ba thứ sau ngăn che đều thiếu. Nói nhà ở đây là bao gồm chín loại trước, khai đi ngồi y cứ thành tướng nhà có bạn mới khai, các việc này không phải nhà, không phải bạn cũng chấp nhận, y cứ c đồng nằm, lẽ ra cũng phạm khinh, như bịnh ở sau là nạn duyên không phạm.

Giới thứ năm: Đức Phật ngự ở thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị ngủ chung với chỗ người thế tục để lộ hình, do đó mà Phật chế giới. Sau ở Câu Diệm-Di-khai hai ba đêm kết lại giới này. Nêu bày trong duyên, thứ nhất chỉ cho các nghi là trong số nói: xưa nói nam phạm, nữ không phạm, do đó chế tùy theo nghĩa ngủ không quá ba đêm, nay đây không dẫn lấy thẳng luận chứng. Trong giải thích khoa đầu, giới bốn giải rộng chừng hạn ngủ khác nhau, không thể hòa hợp, ở đây dẫn rộng giải cho nên đến bốn đêm. Trong sơ chép: y cứ vào giới bốn phạm đến ba đêm, tội đọa khắp tương thành lời, vào đêm thứ tư nằm liền phạm, cho nên giới bốn luật Thập Tụng, nói quá hai đêm phạm Ba-dật-đề, để cho người hiểu chậm mau (y theo số định đoạt nên tùy theo giới bốn), ở sau dẫn các văn thường thấy hai luận Tỳ-ni Mầu và Tăng-kỳ thì đồng giải rộng. Thập Tụng, Già luận rất phù hợp với giới bốn, trong hai pháp, thì luật Thập Tụng khai làm hai, ngồi suốt đêm là đồng với năm phần ở sau, Mầu luận nói hai đêm do không có chỗ đi nên khai cho ngồi khỏi lỗi, trong chú giải đêm đầu tức đầu đêm thứ tư, giới này đêm đầu vốn phải phạm Ba-dật-đề, các luận gia khai cho ngồi nên không phạm ngay, cho đến gần sáng lại chế thay nhau đi. Nếu một bề khai cần gì bảo đi,

y theo sau trong chú giải, cần phải bốn đêm ngồi suốt mới khai hai tiết chú giải này giống như bác bỏ xưa trái. Có người nói đêm thứ tư ngồi khai không phạm. Cho nên tuy không nói, chỉ nói ý rất dễ thấy. Trong ba pháp, luật Tăng-kỳ ban đầu nói duyên khai, không trở xuống chỉ bày phạm, quá ba đêm là tức đầu đêm thứ tư, phạm xong trở xuống là nói chưa sám phạm, chuyển tội lâu dài nghĩa là lần lựa phạm thêm, ban đêm phạm kết riêng, nên không khai hai đêm, y cứ khai ba đêm nhưng đêm thứ ba sắp phạm. Không khai là trong bốn pháp, luận Tát-bà-đa có bốn câu, nên biết kết Phạm bất luận là vào nhà đồng hay khác, chỉ lấy quá đêm, không phạm chỉ ở trước, nhưng quá ba là khác.

Giới thứ sáu: Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị cùng người trụ tụng kinh lớn tiếng làm loạn động người ngồi thiền, do đó mà Phật chế. Sở dĩ chế giới này, trong luận Tát-bà-đa có bốn ý:

Ban đầu khác ngoại đạo.

2- Sự giúp ngôi vị khác nhau.

3- Phân biệt lời chướng.

4- Nướng thật nghĩa không ở âm thanh.

Đủ bốn điều này cho nên chế đồng, trong hai duyên này có ba loại khác nhau, tùy theo một pháp tránh phạm, giới chú giải nói câu, chữ nghĩa của nghĩa câu. Giải thích rằng: câu nghĩa là đồng tụng, không trước không chếp: Trong số nói, đồng tụng kệ, ở đây tụng văn xuôi, văn cùng tận thấy nghĩa nên gọi là câu nghĩa, câu vị là mất vô thường v.v... (dưới một câu lý vị tự đủ), chữ nghĩa là đồng tụng chữ A thuộc loại tụng chú, phối hợp ba loại với ba chữ trong duyên, hơi có khác nhau. Thứ tư nghĩa là khi trao pháp chếp lại văn trước tụng chung.

Giải thích khoa đầu trong duyên đầu, trước lựa chọn chỗ tụng, hai thánh hai phàm thì chung cho bốn người, trong Trí Luận lại thêm hóa nhân như miệng ở sau chỉ bày tướng phạm, ban đầu kết đồng tụng phạm, miệng trao tức đồng tụng, sách trao nghĩa là đã tụng sách khác. Nếu thầy trở xuống là kết không dạy thì phạm, hễ muốn trao pháp thì trước răn dè, dầu không đồng tiếng, không dạy cũng phạm. Trong phần quyết thông, ban đầu nói về pháp được tụng, trong luật Tăng-kỳ người khác là trời tiên. Phật ấn khả lại đồng với Phật nói: bốn tông chỉ chung cho bốn người, nên chú giải chỉ bày. Luật Thiện Kiến ban đầu nói Phật nói, như ở sau lựa chọn người khác nói. Luật Thập Tụng kể sau quyết phần chừng của phạm phẩm và chương đoạn, tên khác mà nghĩa đồng, tùy theo kinh đã lập, nên nêu đủ, một bộ nhiều phẩm tùy phạm nhiều

tội, ở đây trở xuống là điểm luật chung khắp. Trong giải thích thứ tư, đầu tiên là khai điều lợi chẳng phải mới trao, nếu trở xuống là kế khai, từ trở xuống là pháp thọ, cho nên chung với đồng tụng, như vậy nêu bày là do học có trước sau, nên khai cho thọ theo, ngôi vị có tôn ty sẽ không vâng theo thầy, nên khiến tiêu tức, không thể trái nghi, vì vậy trên dưới loạn luân, thầy trò trái nghĩa, phải có bốn chúng chưa thể theo người đời gần đây, người ngu luống theo Nho sĩ, cầu học sách tục, bạch y ngôi tòa cao còn có thể tha thứ, không biết hạnh Tỳ-kheo không biết hổ thẹn, hủy nhục Phật pháp không gì hơn đây, người có trí nghe hiểu phải rất răn dè, không phạm ba pháp giữa.

Ban đầu tức miệng trao, sách trao cả hai đều đúng như pháp. Đồng nghiệp nghĩa là đồng thọ học. Trong số chép: chẳng phải địa vị thầy trò nên uyển chuyển khai cho, cả hai lần nói cho nên hiểu.

Giới thứ bảy: Phật ngự tại thành La-duyệt, có vị Tỳ-kheo hành biệt trụ, đi và ngồi ở sau, nhóm tỳ-kheo sáu vị nói với người tại gia việc tỳ-kheo ấy phạm, các Tỳ-kheo khác đều hổ thẹn, cho nên Phật chế. Nói về quá giữa ngày, phá pháp thân cũng đồng với kinh Đại Tập, nếu đánh người phá giới tội đồng với làm muôn ức thân Phật chảy máu.

Trong số chép: há chẳng phải thân mặc y phục khác thế gian mà vì thánh đạo nêu bày, nếu thân khinh hủy thì thuộc về hoại Tam bảo nên tuy phá giới mà chính là món đồ của pháp thân, chế tội tuy nhẹ mà nghiệp đạo rất nặng. Trong duyên thứ tư, luật nhân ngài Điều-đạt phá tăng, Đức Phật dạy bạch nhị sai ngài Thân Tử bảo khắp với người tại gia, tức trong giới bốn trừ tăng Yết-ma. Trong phần giải thích khoa đầu nói về ni, cho rằng đại tăng trái tám kính pháp bất luận nặng nhẹ khác với tăng, nên dẫn chỉ bày văn kể trong Tăng-kỳ có ba tiết.

Ban đầu là không pháp không đáp, nếu đã trở xuống là nói có pháp khai đáp. Nhân trở xuống là dẫn duyên răn dè, người nữ có lời kệ, nửa trên nói nên làm hay không nên làm. Nửa dưới là nói về không nên làm, trái làm. Ở đây nói rất tha thiết. Người có lòng tin, nghe mà không hổ thẹn hay sao?

Trong luật Thập Tụng lời đáp chính là giềng mối hộ pháp, ngăn tục khinh mạn, trong ba pháp trước văn luật nói phạm. Trong lời số chép: sở dĩ không nêu bày tên Thâu-lan-già, là còn bao gồm nặng nhẹ (nặng là phạm Ba-dật-đề, nhẹ thì phạm Đột-cát-la). Nếu nêu bày tên Thâu-lan-già thì cho rằng nhẹ cũng phạm Ba-dật-đề, chánh lẫn lộn không nêu ra.

Lại kể ở sau nói chỉ người, y phục phòng xá tức chỉ bày trang phục đã nói, trong không phạm có ba: đầu tiên không biết là trái với duyên thứ ba nghĩa là mê giáo không có tướng khô là mê tâm, mê nặng thành nhẹ, nói cũng phạm cát-la, mê có là không thì không có phạm. Người tại gia trước nghe chẳng phải do ta nói, cho nên trong luật lại nêu hoặc các thuyết sai.

Giới thứ tám (Phật ngự tại Tỳ-xà-ly, do duyên trước đại vọng ngữ, nhóm Tăng quở trách rồi lại chế). Gọi là thật đặc đạo, ở đây y cứ sơ quả trở lên, là giới đã chế, trong luận Tát-bà-đa có hai nghĩa cho nên Phật chế.

1- Pháp đại nhân, công đức ẩn chứa phát lộ các điều ác, nay xưng đức ẩn lỗi là pháp tiểu nhân.

2- Tự hiển bày đức thánh, hiền ngu đều khác, nếu có người nghe, thì thấp lòng chuyên kính, mất tâm vốn bình đẳng tịnh thiện việc đời sau ít nên không giải thích đủ. Nay dẫn văn sơ sơ lược biết duyên tướng.

1- Trong thật đặc đạo, trừ tăng thượng mạn.

2- Tự nói đã chứng.

3- Nói với người chưa thọ giới cụ túc.

4- Nói rõ ràng.

5- Nghe hiểu.

Ý hỏi đáp sợ nghi giới này giúp vật không công hiệu, nên nêu bày bốn chế biết chẳng phải luống uổng.

Trong lời đáp thánh đã không phạm nói tức biết là phạm. Nếu không thể người đời không biết gọi là thật chứng, cho nên tuy thánh chế lại thành phạm chế, cho nên làm cốt yếu.

Trong giới chú giải nói: đều như thiên đầu, nói nghiệp báo (tự nói nghiệp báo được thông, hoặc cười giỡn đều không phạm).

Giới thứ chín: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lưu-đà-di ở trước cô ni cùng kê tai nói pháp, nhân đó mà chế, sau khai ra năm sáu lời và người nam có trí. Quá hạn nghĩa là ngoài năm sáu lời, giải thích trong thứ ba, thưa hỏi không chế, đem tâm hư đời cầu thỉnh, nghĩa chẳng phải gượng nói nên không hạn cuộc nhiều ít, giải thích duyên thứ sáu, trước dẫn luật Ngũ Phần để triển khai hạn cuộc, trong luật ấy nói có người nữ bị bệnh phong. Tỳ-kheo không nói pháp cho cô ấy nghe, do đó mà chết, nên khai.

Kế dẫn trong luật Tứ Phần nói ra tướng ngữ, vô ngã vô thường

đều thông suốt năm sáu lời ở trên. Như nói sắc vô ngã, cho đến thức vô ngã nhãn vô thường, cho đến ý vô thường, rõ ràng duyên sau trong luật lại nêu ấm nhập, hoặc nói các pháp dùng đây làm hạnh. Sau dẫn luật Tăng-kỳ để nói quá hạn, sở dĩ như vậy là vì mắt đối với người nữ ít có thể tự nhiếp, muốn tình động gượng trao quên chê bai, cho nên tuy thánh pháp mà không thừa nhiều được, phạm tình đều như vậy, việc đời soi rõ.

Giải trong cái thứ tư, luật lấy hiểu biết thì lựa chọn trẻ con si cuồng v.v... Trong Luận Tát-bà-đa ban đầu lựa chọn người nam lại có hai.

Đầu tiên phải hiểu tướng, ở sau hai pháp phải là người nam thế tục.

Người nữ trở xuống kể là lựa chọn người nữ, lại chia ra đạo tục, tiểu thạch, v.v... người nữ lẽ ra cũng không phạm. Trong luật Tăng-kỳ lựa chọn bạn có bốn, đều do chữ nhược phân.

1- Bình.

2- Miên.

3- Thân.

4- Ngu.

Văn sau chỉ rộng, trong giới sơ hỏi rằng: có thỉnh và người nam đều không nói phạm, vì sao chỉ trừ người nam? (đây là nạn giới bốn).

Đáp: Nói trừ người nam là không nhọc lại trừ thỉnh là nghi nói có người nam phải thỉnh được thuyết. Trong phần giải thích lại, dẫn kinh nói chỉ bày nghi thức thọ thỉnh ý khiến nương thọ, giải thích thứ năm, không rõ nhẹ là nghĩa không đủ, trong cái không phạm có bốn.

Ban đầu là thuận giáo, có việc chứng ở sau, nếu ở sau không có người khác thỉnh, hoặc lầm trở xuống chẳng phải ý, năm giới tức thể của ba quy y và pháp, nghĩa là năm giới tướng bát quan trai cũng đồng.

Giới thứ mười: Đức Phật ngự tại thành Khoáng Dã, nhóm tỳ-kheo sáu vị sửa chữa giảng đường cho Phật, tự mình đào đất, bị sự chê bai, do đó mà chế. Ý dẫn trong luận chế, đại khái đồng giới sau, nên ở đây đều nói. Thứ nhất giới này làm tổn hại loại trùng kiến, phá hoại chúng sinh cho nên làm hủy tổn sâu bọ. Kế ý như trong duyên giới, cư sĩ chê bai nói không có chánh pháp, đoạn mạng căn loài khác (họ chấp sự sống của cây cỏ đều có mạng).

Thứ ba là giải thích rộng, như văn có thể hiểu, nên biết Tỳ-kheo làm như thế, cao vượt vật biểu hiện trời, người tôn quý, hoặc bị sai kiến, chỉ do tự cảm lấy, xin quán át hạch mình chớ có lỗi với người khác,

duyên phạm thứ tư. Nếu khởi lời tịnh thì khai cho người, dẫn trong răn dè, muốn nói Phật là duyên tốt lại chẳng phải là mình, mà bị quả chế huống chi việc khác, rất chẳng nên làm, trong chú giải phá giới mắc tội nói dối cho rằng được phước, đây là may mắn (ở đây chú giải hợp thành chữ Đại). Trong giải thích văn ban đầu có ba.

Ban đầu chỉ bày tướng đất, trong luật nói: nếu chưa đào tức là đất sống, dễ biết cho nên lược chỉ nói đã đào, trong văn có hai tướng.

1- Y cứ vào tháng tư, nghĩa là trải qua thời gian.

2- Nói về thời gian bị mưa, do ẩm ướt, do hai duyên này lại thành đất sống, nên không thể đào, tháng tư bất luận là bị mưa, bị mưa bất luận là tháng tư (có khi do tháng tư bị mưa thành một việc, ở đây không thấy trong văn luật).

Nếu sử dụng trở xuống đào đất làm tổn hại, hoạch tức là loại cái mai (rằm), lỗi nghĩa là dụng cụ cày ruộng, giới kết điểm phản nghĩa là động tác dùng tay lau chùi, tướng đất là kết lỗi do tâm, như ở sau nói sai người không dạy trước phạm tội này, giải thích riêng chính giữa. Trong luật Thập Tụng nói ban đầu giống đất, năng lực phát sinh kém, nên đều phạm tội nhẹ. Do bị sạt lở. Thạch đê là chỗ đá đê, chữ mê là chữ hô, là chỗ trét bùn, e rằng sâu đến đất nên chế, ngấp đầu gói trở xuống không phạm.

Trừ trở xuống là nói khai mở duyên làm mô đất là làm tướng chừng mực của đất, ở đây khai ra đất sống. Nếu y theo trước chưa thể theo rộng. Chữ nhược trở xuống nói chẳng phải đất thì không phạm. Giả là đất đỏ (vật không sống). Thiện là đất trắng, đá sống là trời xanh đất đá. Trong luận Tát-ba-đa chép: đất vốn thực là phân biệt với bản ở quan Trung, văn nhiều thiếu sót, chỉ có tám quyển. Thứ tư theo vị Tăng đất Thục xin được cái thứ chín, tức nay trong tạng thấy truyền. Trong văn giải thích có hai loại đất.

Ban đầu không nêu, đất sống là ở sau lập lại giải thích. Ban đầu giải thích đất sống, tội tướng có thể biết nên không nêu ra, ngoài ra ở sau có giải thích đất sống.

Ban đầu chỉ bày tên, đất không đâu là không sông, từ duyên bày hiệu, nên nói nghĩa tên, nhược trở xuống là hiển bày tướng, có ba.

1- Chạm đất, đất khô thì kết cùng với ẩm ướt, không liên quan thì không phạm.

2- Kế là nói tướng đất, chữ thấp là lằm, trong luận cho là đồng với chữ trúc, tức chỉ thể của tướng, nên nói khác với đất. Trong chữ tuy có luận chữ địa, nghĩa là đất bên góc tường, ẩm ướt phạm tội đọa, không

ấm ướt cho nên kết, phát khởi là hành động đào.

3- Nói rõ đất trên tường nhà tổn hại có là giới sau, văn sau hoặc nói cỏ cây đều là nhân tướng mà dẫn ra, chẳng phải ý trong đây mà biết.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên làm việc bị tổn hại, chuyển đá là chuyển lật. Đạp địa nghĩa là dùng vật đập thân cho bằng.

2- Nói khối đất lớn nhỏ.

3- Giảm bớt tường, đập hợp lại làm cái đình, giảm bớt thành công là chỉ bày nghĩa phạm. Như ở ngoài trở xuống bốn pháp nói về thêm đất sống. Cuối mé đất tốt hết mé đất mưa không thấm chỗ. Như bỏ đi trở xuống năm pháp lựa ra cái hoại này nói nhiều lớp trên đất thành tường, như nay tường đất. Ban đầu nói về có bùn, khiến người dứt bỏ tự mình được lựa chọn. Như kế ở sau nói không có bùn, bị mưa khiến bỏ, thấm nhuần bỏ, đi tự mình được lựa chọn trong đó. Chữ hành là hộ cương phản (hoặc khứ hô là tục ngữ ở đất Bắc). Tính trở xuống nói trị nước, độc là ngòi rãnh, nước sâu là chỗ đọng nước mưa, trữ thường là lữ ngược lại giảm bớt nước. Đại trở xuống bảy pháp nói tổn hại lớn, nghĩa là ở đất sống, hoặc bình trở xuống tám pháp nói về động vật.

9- Nói về đất cát.

10- Nói về đất chết.

Duyên khai chặng giữa bốn phần nạn lửa, trên khai hoại sống (310). Nhược trở xuống là khai đào đất, đất diệt là do đất đổ. Nghịch thiêu thiêu là tự khứ hô, nghĩa là lửa đồng với trước, trừ là bỏ đất, không để kéo dài.

Trong luật Thiện Kiến trước nói chẳng phải đất, sỏi đất ít không phạm. Trong luật Tăng-kỳ nửa sỏi kết, nghĩa y theo sỏi ít, tức đồng đất sống, như lửa đồng ở sau chỉ bày duyên khai. Trong luật Ngũ Phần, chỉ dẫn làm tướng triệu chúng, ở sau chỉ các bộ đồng khai đào bị hoại, trùng lặp cho nên không đưa, giải thích duyên thứ tư. Trong văn luận trước nói tăng phạm. Tăng ni khởi lời tịnh là pháp không đối với người tác pháp không thành, chúng khác không tác pháp có người mà không pháp, trái lời Phật chế kết, đào thì phạm Ba-dật-đề. Ở sau nói ba chúng, không có duyên phạm, vì có duyên khai. Trong luật Ngũ Phần duyên khai có tịnh nhân thì phạm, chặt cỏ khô, cỏ tươi để trộn bùn.

Trong luật Tăng-kỳ trở xuống văn chú giải, do luật không có phạm trong đó trừ đất trong nhà không phạm, chỉ nói là trừ đất, không nói được đào, văn này không rõ (Ở sau trong cái không phạm không diễn ra). Trong lời sơ trích dẫn lời giải xưa rằng: đất chết nổi trong nhà.

Nay sư nói: Theo luật Tăng-kỳ hiển bày chỗ đất chết, trong nhà tự đào giấu vật thì được (ở đây biết hiển bày chỗ chết, che đậy chỗ bất luận là chết hay sống). Trong cái không phạm. Ban đầu khai tác pháp, như ở sau nói làm việc có chín tướng.

Trong số chép: trong luật Tứ phần ngược lại ngói kéo gỗ không phạm. Trong Tăng-kỳ phạm là có đủ tâm (trước nói kéo gỗ là thân trâu ngựa v.v...). Song luật vẫn khai châm mà nghĩa gấp, nên tất cả khai chung, không cố ý đào (văn số). Ở đây thì trong Tăng-kỳ vô tâm cũng khai. Trong luật Tứ Phần cố ý cũng phạm (hễ trái với văn trên đều nên dứt ở đây).

Giới thứ mười một: Phạt ngữ tại thành Khoáng Dã, do đó trước xây phòng chặt phá thân cây chẳng phải pháp của Sa-môn quả trách mà chế. Hoại âm quá là tổn. Hoại là nghiệp, sinh chủng là cảnh, cấm ngắt lỗi này gọi là giới, chỉ duyên đồng với trước, nhưng đối một và hai thành sinh chủng, trong phần chánh danh nêu bày giới bốn. Quý là ở sau dẫn luật lập lại giải thích, trong chú giải ban đầu chỉ bày nghĩa thôn, nên ở sau ngăn lẫn lộn, e có tên mê nghĩa là hủy miếu thân, các bộ là ở sau đã dẫn, trong luật Thập Tụng văn âm mạnh hợp thành chữ mang, giáp thời thượng cổ, hiệp thiết là loài bướm bay.

Trong luật Tăng-kỳ có hai phần, gọi cỏ cây là xóm làng của quỷ thần, giải thích trong duyên ban đầu.

Trong luật Tứ Phần, đầu tiên chỉ bày sinh chủng, là có năm loại xưa ghi dẫn trong Thủ số rằng: hợp năm thành ba.

1- Căn chủng, chia làm hai (không nhờ thời tiết sinh gọi là căn chủng, như củ gừng, khoai sọ, củ cải; Nhờ thời tiết sinh, gọi là phú-la chủng, như lau sậy, rau cần, rau răm).

2- Chi chủng, cũng có hai (không nhờ thời tiết sinh, gọi là chi chủng như loại câu liễu thạch tự, nhờ thời tiết sinh gọi là tiết chủng, như nõ sen cỏ rậm v.v...)

3- Hạt giống: hột lại sinh hột, nên gọi là tử tử (như ngũ cốc) chú giải ven các loại ngoài bốn loại còn bao gồm tất cả. Trong giới số thì chỉ bày rau cần trúc (rau cải và trúc). Trong luật Tăng-kỳ cho là lạc liễu, đủ như chú giải ở trên.

Như kể ở sau nói tổn hoại, chặt phá rơi vào giới chú giải thành đọa lạc. Trên nói toàn sinh, nếu đoạn trở xuống là nói chết khô, nhiều phần sinh là sinh quá phân nửa. Trong luật Tăng-kỳ khoa đầu trước phối hợp với năm loại, cộng là nhánh tâm tức phú-la, la-lạc, liễu là hương cỏ lan,

uốn nắn hai tay lẫn lộn có mười bảy cốc.

- 1- Lúa.
- 2- Lúa đỏ.
- 3- Lúa mì đỏ.
- 4- Khoáng mạch.
- 5- Đậu xanh.
- 6- Đậu đỏ.
- 7- Đậu tằm
- 8- Đậu Hà-lan.
- 9- Lúa kê.
- 10- Lúa nếp.
- 11- Mè.
- 12- Gừng.
- 13- Xà cổ.
- 14- Bà-la-đà.
- 15- Dừa tử (cỏ kê).
- 16- Chi-na.
- 17- Câu-đà-bà (các sách Phạm đều nói không biết vật gì).

Hỏa tịnh gồm có năm, bốn tịnh pháp trên đều hạn cuộc đối mặt, kể nói về năm quả, trong chú giải có hai loại báo thực nghĩa là ở cây. Thực là sống như táo xanh dùng lửa xúc chạm, cho nên trong ngoài đều thanh tịnh, cho nên được lợp hạt lại. Phu nghĩa là ngoài da không có hạt mà có trái, trong chú giải vị của tất-bạt cay mà thơm, nại giống rừng táo mà nhỏ. Sáng tự hình hô, cốt là chỉ quy chép: lộc kang bì nên nói hội, trái này rất nhỏ, da như lộc kang, trong nghi nặng nhẹ, nghĩa là trái từng bách, giác là củ ấu. Trong chú giải, hao này thuộc về hạt giống, e rằng là cách không thành hỏa tịnh, cho nên y theo hội giác để quyết định, nhưng ở sau chỉ bày làm tịnh pháp, trở về trước năm quả hỏa tịnh cũng chung, còn các tịnh đều hạn cuộc, ở văn có thể tìm, trong hành hộ có mười một tiết, tùy theo thứ lớp chỉ bày. Ban đầu nói tịnh chung, sợ trẻ tuổi là sợ họ không nói tác tịnh, nói xuân đi là do trước đã tịnh không cần nói tịnh, trở về trước quả đều nên y theo nên nói việc khác có thể y theo mà biết. Nếu do ở sau nói hoại chủng, vượt phương tiện này chết tức quả tội. Hoặc có trở xuống nói giảm cỏ, nói muốn khiến tức cố tâm. Thạch trở xuống nói hộ áo lông; Thạch y tức rêu xanh, mao nghĩa là chỗ ẩm ướt sinh, đều có tánh sống, mưa trở xuống là nêu vật, giữ trở xuống không phạm trái nhau, nên trong chú giải hòa hội. Hạ ở sau nói dứt phiền, hạ có thời hạn cho nên nói khắp, mê ở sau nói duyên

khai, thủy trở xuống ở sau nói hộ bèo nổi, quặng đá đến trời làm sao có lý này, khai phải đúng pháp, khiến không tự tại, sợ sinh khinh nghi nên đặc biệt chú giải như ở sau nói làm việc, y cứ lá uống, do bùn làm dơ tay không cầm đồ khác, thủy trở xuống là nói giảm bèo nổi, nước cỏ là bèo, v.v... như ở sau nói chẳng phải vật lâu, triều khuẩn là nấm đất. Trong chỉ quy nói: loài này mọc dưới đất, tháng tám sáng mọc chiều chết, y theo đây lệ như trên y lông giảm bớt nên được kết. Trong Thiện Kiến do tịnh nhân còn nhỏ nên khai. Trong luật Tứ Phần văn chú giải chỉ ở trước, tức trong luật Tăng-kỳ văn rườm rà, giải thích duyên thứ tư.

Trong luật ngũ phần, đầu tiên nói tịnh ngữ, kế nêu bày bốn món, giải một liên dừng tùy theo lời nói được thông, trong bốn pháp đều nói đây tức chỉ cho vật trước, trong chú giải hiển rõ biết tịnh, biết người thanh tịnh ở Tỳ-kheo, do hiểu nghĩa này nên hiệu là tịnh nhân. Không hợp ở sau nên thêm chữ ngôn để giúp như ở sau nói duyên khai, khai đường không phạm, văn nói không khác với luật Tăng-kỳ ở trên, tội nhiều ít trong đó.

Ban đầu đối với luật Thập Tụng nói đương giới, luật Thập Tụng theo chủng nên dứt năm tội, luật này y cứ về nghiệp nên tùy theo nhiều ít, bèn kể ở sau đối với luật Tăng-kỳ hiện rõ giới trước. Nói trong Ly địa, dẫn trong luật trước nói năm loại sinh, y cứ chung vào địa, giống cây liễu thạch lựu, nhánh có thể trồng nên lia đất cũng phạm. Lựu là thạch lựu, sau nói chẳng phải năm loại sinh, chỉ trừ giống nhánh còn lia đất, văn nêu ba pháp phán chế, tìm xem sẽ thấy, hòe và hoàn đồng loại, lá nhỏ mà xanh gọi là Hòe, lớn mà đen gọi là Hoàn, cùng liền với đất, cũng thuộc về sinh. Không phạm có mười, ban đầu làm pháp khai, chín pháp sau đều dùng chữ nhược đọc ở giữa, kính nghĩa là khối đất, trừ đất kinh hành, do đó giảm bớt cỏ rêu.

Gới thứ mười hai: Đức Phật ngự tại nước Câu-diêm-di, Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo hỏi do các việc tác bạch chế rồi bèn xúc não tăng, kêu đến mà không đến, v.v... lại tác bạch chế trái mà làm, cho nên Phật chế.

Hai nghiệp thân miệng tà ngụy xúc não Tăng, dụ như thêu dệt. Ở đây y cứ Tăng pháp nên phạm tội Ba-dật-đề. Tội khác chẳng phải nghĩa nói chỉ phạm kiết-la. Trong giới bốn nói: vọng khởi các lời xúc não tăng, lời khác tức miệng nói thêu dệt, xúc não người tức thân thêu dệt, tức hai giới đồng chế.

Trong phần giải thích bốn luật trước là nói miệng thêu dệt, các

Tỳ-kheo hỏi rằng: Ông tự biết tội phạm chăng? Tức khởi các lời khác như văn đã dẫn, mà nói v.v... văn luật nói tiếp, vì luận về lý gì nói cho tôi nghe, vì ai, là ai phạm tội? Tội do đâu sinh mà ta không thấy tội, tại sao nói ta có tội. Nãi trở xuống là nói thân thù dật, do chế không được lời khác, sau lại xúc nãi chúng tăng.

Đẳng là trong luật nói tiếp theo: kêu đến không đến, không kêu đến lại đến, nên đứng dậy lại không đứng dậy, không nên đứng dậy lại đứng dậy, nên nói mà không nói, không nên nói lại nói (đây thuộc về thân ý khác với trên). Ở sau chỉ như trước, tức kết tướng tội, trong các văn, thành lời luận thật.

Kế tướng thứ ba đều có lỗi, phi thời là nói không thích hợp, tức gọi là không có nghĩa. Quy nãi là làm cho người khác không vui, không cội gốc là tâm sư, tức ở sau chỉ luật chúng học các giới nói pháp, đều không đúng. Trong luật Thiện Kiến trở xuống đây khai nên nói là không nói, luật trở xuống, đây là nói về người khác, trong các môn không phạm ban đầu miệng thù dật. Nặng nghe là bịnh không nghe, tham thố là người khác nói không rõ. Nếu muốn trở xuống kế là khai thân ý. Ban đầu y cứ vào Yết-ma phi pháp mà nói đến không đến, như một pháp kế ở sau y cứ Đầu-đà bịnh khó nói đứng dậy hay không đứng dậy, như ác trở xuống là y cứ vào chẳng phải hỏi chẳng phải pháp mà nói hay không nói, như trên ba vị mỗi vị trái nhau, sự đây không phạm, vì duyên khác nhau, như nhỏ trở xuống lỗi lời chẳng phải như thường đã khai.

Giới thứ mười ba: Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, Tỳ-kheo Từ Địa hiềm khích mạ nhục Đạp-bà cho nên Phật chế, cùng Tăng bàn hai pháp chê bai đồng thời. Trong danh nói: vì tăng lựa chọn thỉnh riêng. Trong sơ chép: hai giới cơ hiềm mạ nhục đồng xúc biết bậc, không nên hợp chế. Trong duyên một, ba, sáu thuộc biết việc, còn ba pháp thuộc về có thể phạm.

Trong duyên thứ nhất khoa đầu, trong luật ngũ phần chung đơn bạch, trong luật Tứ Phần chỉ có bạch nhị, còn người tức trợ giúp. Vu nghĩa là khi đối luống uổng, duyên khởi trong Tứ Phần, tức La-hán Đạp-bà nhằm chán không học mà thân cầu pháp vững chắc, Phật cho cầu việc tăng, Yết-ma thỉnh.

Khoa kế đầu tiên chỉ bày phạm, chánh bái tức Tăng pháp sai. Trong luật gọi chung sai người làm người bái không biết việc riêng. Trong nghiệp sơ dẫn rằng: tất cả người bái Yết-ma đều là pháp bốn người, xoay vẫn sai mượn người đồng phạm do họ tự sai mượn tức đồng

chánh chân, trong luật Ngũ Phần nói người khác lẽ ra chẳng phải tự sai mượn, hoặc bộ khác có khác nhân trở xuống dẫn duyên. Trong luật nói: lúc bấy giờ người bắt cá lưới được một con cá lớn có trăm đầu, mỗi đầu khác nhau. Đức Thế tôn thấy nó, kêu tên nó liền đáp.

Đức Phật hỏi: Mẹ người ở đâu?

Cá đáp: Ở trong nhà xí.

Đức Phật nói: Con cá này thời Phật Ca-diếp làm Tam tạng Tỳ-kheo, do ác khẩu nên chịu các loại quả báo làm con vật nhiều đầu, người mẹ ưa thích lợi dưỡng nên làm con trùng trong nhà xí, dẫn duyên này để răn dè cho người hậu học, mà ở đời làm giảng sư đích thân lên pháp tòa có nhiều tướng bị hủy báng xin suy nghĩ quả cùng phải sợ mà cẩn thận.

Giải thích pháp thứ tư, văn chú giải truyền lầm, hợp làm sánh lớn, trái lại trên thì nghe tiếng mà không thấy mặt, như chỗ bị ngăn cách. Trong sơ chép: Ở đây cùng với giới mạ nhục có bốn pháp khác nhau.

1- Trước là tăng làm qua loa, đây là tăng biết việc.

2- Giới trước bất luận hư thật, ở đây nói về thật không phạm.

3- Lời mạ nhục khác nhau (trước nêu nhiều loại hủy nhục giới, ở đây chỉ nói thương ghét).

4- Trước chẳng phải biết việc thấy nghe xen lìa nhẹ, ở đây kính hộ nặng, xen nhau lìa phạm Ba-dật-đề, như ở sau tướng nhân mà chế, trong cái không phạm nói tướng lợi đồng bạn, nên không có lỗi.

Giới thứ mười bốn: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Trưởng giả thỉnh tăng, nhóm tỳ-kheo mười bảy vị lấy tọa cụ của Tăng trả đến chỗ ăn, không dọn cất, gió bụi chim làm hư dơ, do đó mà Phật chế giới. Trong luận Tát-bà-đa có ba nghĩa nên chế.

1- Phải ủng hộ, giúp thân hành đạo làm cho được an vui.

2- Đồng tâm mến tiếc kính tin lâu dài.

3- Khiến thọ dụng phước lại giúp thí chủ thành tựu được gốc lành, lệ theo trong duyên tăng vật có ba, như giới trả lại vật cho tăng, nay lấy rồi xả cho tăng phạm tội đọa, hai pháp còn lại kết tội nhẹ. Sàng là giường dây, giường gỗ. Phu là ngọa cụ, nệm ngồi. Trong giải thích pháp thứ năm, luật Ngũ Phần nói phạm tội đọa, đều do việc khác mà phạm đồng cho nên cả ba đều nói là cũng. Đầu tiên thấy không nêu, tuy chẳng phải tự trả không tiếc hộ giúp, chùa ni phạm đều là vật của Tăng, lầm tục phạm là sợ tổn mất, như ở sau nói khinh mạn, hai duyên đều chẳng phải lỗi của tâm, chỉ vì lòng kêu mạn cho nên kết. Luật Tăng-kỳ nói

ban đầu an tượng phải y cứ vào chỗ trống, tay chạm là đồng thọ dụng nên phạm, như ở sau nói thuộc về người khác không nêu cũng khai, vẫn nêu thảng xuân không lo tổn giảm, lúc khác nghĩa lẽ ra không thừa nhận, như thật hành ở sau nói chế khác nhau, ở đây chẳng phải vật của Tăng, chỉ là trái nghi, có trái nên kết. Trong luận Tát-bà-đa nói phòng kết thì không bỏ đi. Trong luật Tứ Phần có bốn.

Ban đầu nói bỏ đi phương tiện, kể là loại thứ tư đều do chữ nhược chia ra.

Ban đầu thuộc về biết việc.

2- Nêu chỗ vắng.

3- Ngăn che tốt.

4- Khởi ý trả lại câu trên nói tức trả lại, nên ở sau bỏ chữ khứ.

Trong luật nói: lại phải bỏ, lại nghi, chữ tiện viết ngược, đem luôn xuống đọc. Nói trong mưa là luật nói: nếu mưa to rồi lại to mà không hư tọa cụ thì nên đến, hoặc đi trong mưa kịp trở lại được thì nên đến, nếu mưa ít đi ít kịp trở lại được thì nên đến, đều nói đi thì làm ý như vậy, ở đây chỉ nói tùy theo mưa và thời gian, gồm chung nghĩa đủ, bị trở xuống là tổng kết.

Ban đầu nói thuận pháp, nếu không trở xuống nói trái phạm, chánh tội phương tiện như văn đã nêu, nói hối lại là luật nói: một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, muốn đi mà không đi, như hai pháp kể ở sau nói đồng phạm.

Luật nói: Ý Hạ tọa nghĩa là Thượng tọa sẽ cất mà Thượng tọa không cất thì cả hai phạm tội, vì không cất nên phạm Ba-dật-đề, lại do chẳng phải oai nghi, nên kết (liền khiến Thượng tọa nên phạm hai tội) lại y Thượng tọa nghĩ hạ tọa sẽ cất, mà hạ tọa không cất thì Thượng tọa phạm Ba-dật-đề, đều không cất thì luật nói là ba người không trước không sau (là đồng hạ tọa). Còn ba pháp sau nói vật khác, giường trống chẳng phải đã dùng nằm. Biểu lý tức trong ngoài nghĩa là khai mở các nơi, chẳng phải toàn vật như ở sau bốn pháp nói việc khác. Suy nghĩ tức là thiền định, trong cái không phạm chỉ nói giao phó cho hai người, văn luật lại nêu thế lực giữ gìn nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, không làm theo thứ lớp mà đi không phạm.

Giới thứ mười lăm: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo khách ngủ ở phòng bên, không nói đi liền bỏ ngọa cụ hư mục, cho nên nên Phật chế. Ý chế vật của tăng đồng với trước, trong duyên tướng phạm thứ năm có hai, như ở sau trong phần giải thích. Lời sơ chép, cho nên chia

ra hai giới.

1- Chỗ khuất và chỗ trống khác nhau.

2- Mắc tội, chỗ trống khác lạ thì ra cửa che, ra ngoài giới lại quyết đi ra khỏi giới, tạm đến ba đêm khai ra ba duyên. Hiển bày lạ thì hai tướng chậm mau (chậm thì như phương tiện trên, gấp là thế lực của nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... các duyên không làm theo thứ lớp), che thì khai ở hai đêm (che là phòng nhà nên có duyên khai ở đây). Trong giải thích, đầu tiên nói ra khỏi giới thì phạm. Trước chỉ bày phương tiện, nếu không trở xuống thì kết phạm, nhược tức kế ở sau là nói ba đêm phạm. Ban đầu chỉ bày phương tiện, không trở xuống là kết, không phạm như trên, phương tiện ở ngoài giới, thủy lục nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, các duyên đều khai.

Giới thứ mười sáu: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị bèn đi đến nơi không có trụ xứ, nhóm tỳ-kheo mười sáu vị tìm được trụ xứ, nhóm mười sáu vị biết, gượng ở trong đó trải ngọa cụ ngủ, cho nên Phật chế. Trong giải thích, văn luật chia làm ba, trong giải thích đầu, y cứ vào thân bốn bên là nói chật hẹp không có sự thông thả, do trong đó rộng không ngại, vì khai không phạm.

Kế giải thích ngọa cụ lại nêu bốn món, vật khác y theo mà kiết. Như ở sau ba pháp y cứ vào tâm nói phạm, vì khai mà không biết, luật Thập tụng ở trong đó trải rồi lại làm nhiều việc xúc não người khác, ý khiến họ tránh đi, tùy theo việc mà kết, lại nêu bày tám thứ, không nêu ra thanh sắc tùy theo lời họ nói gồm chung tất cả, trong cái không phạm, là câu đầu không kiết. Kế là năm pháp đều do chữ nhược mà chia ra, ở sau nói nạn duyên vọng thành bảy, nói rồi ở là họ chấp nhận cho, đích thân dạy lời xưa là họ tự chuốc lấy, nơi chốn chuyển đổi so sánh chẳng phải ý, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... là văn lược, là thế lực duy trì và ràng buộc.

Giới thứ mười bảy: nhóm tỳ-kheo mười bảy vị trước vào chùa quét rầy cho sạch, nhóm sáu vị biết liền đuổi ra, do đó mà chế. Trong duyên phạm, đầu tiên lựa chọn ba thời, mùa xuân mùa đông trong phòng, có Thượng tọa đến, hạ tọa nên tránh đi, không nhất định thuộc về mình kéo ra trải, phòng mùa hạ không như vậy, ít hơn nên kết tội nhẹ. Trong giải thích, luật Tứ Phần chia làm hai.

Ban đầu chỉ bày chung nhiều ít, tùy theo chỗ dẫn này y cứ theo người (312). Tùy theo ra khỏi phòng là y cứ theo chỗ. Nếu dẫn trở

xuống là giải thích riêng nhiều ít, đều y cứ ra khỏi phòng mà nói giới hạn phạm. Văn dẫn hai câu xen nói phạm nhiều, y theo luật trước sau đưa ra đủ hai câu, văn nói, nếu dẫn nhiều người ra nhiều phòng thì đọa nhiều tội đọa, một người ra một phòng là một tội đọa, thì bốn câu đủ, trên y cứ dẫn ra phạm tội trọng, hoặc trì trở xuống là nói không kéo thì phạm tội nhẹ. Trong luật nói: Nếu đem vật người khác ra, hoặc quăng ra ngoài cửa (nghĩa là quăng bỏ, đây là hai tướng không thể liên tục). Ngoài cửa đóng là nhân họ ra ngoài không cho vào. Trong luật Tăng-kỳ nói ban đầu kéo người, kéo ra là thân phạm, quở trách là miệng phạm, mỗi việc mắc một tội đọa là không đồng trong Tư Phần là y cứ ra ngoài cửa.

Nếu sân trở xuống kế là nói đuổi và chứa, trong luật Thập Tụng. Hãn là tiếng mũi ngáy, chẳng phải xua đuổi xúc não người khác, việc đồng. Văn chế không nên trái phải lỗi nhỏ, trong luật Ngũ Phần đầu tiên là khai hủy nhục đệ tử, do lòng tử cứu giúp, như ở sau cấm xúc não người khác, không thích người là do lòng oán hiềm, ra cũng nói là chẳng phải xua đuổi. Không phạm có bốn: đầu tiên khai chẳng phải ý không sân là nói, đến sau người theo thứ lớp ra, tức ở trước là nói, thấy Thượng tọa đến tự tránh đi, cùng kế ở sau khai hộ giới. Như ở sau ba pháp khai chọn giờ, do đây chín người chẳng phải đồng bạn. Trong bốn cách phá là thiếu chánh mạng. Nhân trở xuống có bốn pháp khai mạn duyên, nếu không kéo ra ắt gây tổn mình, nên nói do đây. Nói trong cái khác, gượng trải là không khai cảnh dơ bẩn nên phải nói, ở tục không lựa gởi nhà người khác, chỗ tăng phải lựa chẳng phải đồng ở.

Giới thứ mười tám: Phật ngự tại nước Xá-vệ, có Tỳ-kheo ở trên nhà nhiều lớp, ngồi trên giường sút chân, chân giường rơi xuống mình Tỳ-kheo khác, làm bị tổn thương chảy máu rồi lại tức giận, do đó mà Phật chế giới. Chỉ nêu tên và bày duyên, mà không giải thích, đời sau việc ít, nếu lại bỏ rơi không cứu giúp thì đó là cốt yếu, các giới trước sau đại khái đều như vậy, không biết ý chỉ này hoàn toàn mê tông chỉ số sao, nhưng e người mới học gặp văn gây ra ngăn trở. Cho nên lược dẫn giải thích các pháp như trong lời số. Duyên đầu nhà nhiều lớp đất bằng không phạm (trong số có bốn duyên, thứ hai nói, nói che mỏng để rớt).

2- Về sút chân, trong luật nói: chân vào đùi (số nói sẽ sút không lâu).

3- Ngồi nằm phạm là giải rộng chỉ có nằm phạm, nay theo giới bốn ngồi nằm đều phạm. Trong luật nói nêu một mình ngồi một giường

một bản, giường tấm, ngòai đều phạm cát-la. Không phạm là nếu ngòai giường chân tròn, chân thẳng, chân cong, không chân (đều nói là không sút) hoặc giường quá nhỏ (tuy có sút mà có chỗ nương), nếu sút chân thì để lưng nhỏ (nghĩa là có gài khuy), nếu nhà nhiều lớp ván che dầy, v.v... hoặc ngòai giường gỗ, v.v... (là dùng ván) hoặc ngòai giường sút chân (bỏ chân đó đi) đều khai.

Giới thứ mười chín: Phạt ngự tại Câu-Diệm-Tỳ, xiển-đà làm nhà, dùng nước có côn trùng trộn bùn với lấy sự chệ bai, nên chế. Đại ý trong đây là lỗi trái với lòng tử. Trong sơ dẫn lời Quang Sư rằng: Trọng mình bị khinh (phòng nhà) khinh người được trọng (mạng trùng) rất trái với lòng tử nên phải chế gấp, giải thích trong pháp thứ tư.

Đầu tiên nói nước có trùng. Như kế ở sau nói các loại tương. Trong luật nói bỏ nước rồi, nếu có côn trùng như sữa tương thì biết vật khác đều chế, không chỉ nước có côn trùng, sữa chia ra trong đục, còn hai thứ có thể hiểu. Trong giới bốn chỉ nói dùng nước rưới bùn cỏ, nay y cứ văn rộng xen vào đều tội đọa, tất cả ở sau tổng kết tương tội.

Ở sau dẫn năm phần dùng nước rưới vật. Trong bốn luật nói quăng vật vào nước, đều tính trùng cá nhiều ít làm lượng, nên nói mỗi trường hợp đều mắc tội đọa.

Hỏi: Giới này là y cứ dùng nước hay y cứ trùng chết?

Đáp: Trong giới sơ chép: ở đây không y cứ vào bốn mạng mà chế, ở đây rất phòng chế, nếu kia đoạn mạng, tự y theo giới chứa. Ở đây tuy biết côn trùng không chết mà tính số khác phạm.

Hỏi: Trùng không thể biết tội, làm sao có số?

Đáp: Ở đây y cứ tâm khắp, không nói về biết số, tùy theo dụng tùy theo quăng thâm mắc nhiều tội. Vốn nói chuyển đổi, thực là cơ sở nuốt, y nói đắp mặc, ví dụ đều như vậy. Nếu ông sám hối thế nào là bày tương?

Đáp: Tội nên biết tùy theo số lập lại vào không thể biết, chỉ nói không nhớ như ở sau tự hiển, giải thích trong pháp thứ ba.

Đầu tiên dẫn kinh nói hai loại thô tế, ý nói lên côn trùng nhỏ nói phải lượt là một trong mười phần ở chỗ rất nhỏ ấy, ngàn muôn do-diên chỉ bày cực thô, như các loại cá ma-kiệt chim cánh vàng, trắng, rắn.

Khoa kế, trong luật Tăng-kỳ đầu tiên hộ phạm hạnh không thể ở, như ở sau nói dùng nước rưới rẫy, hoặc là vốn không, hoặc có lượt xong, sáng trưa xuân hạ đều phải xem kỹ.

Trong luật Ngũ Phần, đầu tiên chỉ bày nước có côn trùng, lấy côn

trùng nên xen, tức xếp vào hạn chế.

Trong luận Tát-bà-đa nói ngài thân tử dùng thiên nhãn quán thấy côn trùng hư không, như lúa trong đồ đựng cát, bèn dứt thức ăn, Phật nhân đó mà chế rằng: chỉ có nhục nhãn thấy đầy lọc làm được, vẫn đồng với đây, nên biết trong kinh Đại tập nói vi trần là một trong mười phần, chỗ dạy không chế. Như kể ở sau nói dụng phạm, không trở xuống ba pháp là chế trì hành, trái với đây phạm Đột-cát-la. Trong cái không phạm, đầu tiên khai mê tâm tưởng không ngay cảnh. Như kể ở sau khai tay chạm, như lọc trở xuống là nói thuận giáo.

Giới thứ hai mươi: Đức Phật ngự tại nước câu-thiểm-tỳ, xiển-đà làm phòng che lợp dày không thôi, nhà liền sụp rồi phá, bị người chê bai nên Phật chế. Trong duyên giới số thứ hai không có chữ tự làm, do chỉ chế xem che lợp. Trong số chép: vì sao xem người che mà không tự mình che?

Đáp: Không xem phòng thành có nghĩa thọ dụng. Tự che với lấy chê bai, nhiều lớp cho nên không chấp nhận, hoặc có thể nói theo duyên khởi, do sai người làm nhân liền chế giới, duyên thứ ba nếu bỏ thấy nghe mà xen nhau là phạm Đột-cát-la, đều lìa không phạm, được phòng thọ dụng.

Nói ba tiết là như y cứ theo duyên khởi, thì là ba lớp, che rồi lại che nên gây ra sụp đổ, nếu theo văn luật tức thì y cứ vào cỏ tranh để chia tiết đoan, theo chiều ngang đều phạm. Trong luật Ngũ Phần cỏ ngói, ván, v.v... đều có thể dùng để che, ở đây dùng nhiều ngói nên lấy dọc ngang ba cách mà làm, tức là ba tiết, như trong số nói rộng. Trong bốn pháp có hỏi: Giới bốn nói hơn ba lớp mỗi phạm, sao ở đây nói xong?

Đáp: Trong giới chế chỉ trao, ba tiết chưa xong, nếu đi chẳng phải lỗi, xem xong là lỗi, ở đây căn cứ xem qua chẳng phải lỗi ba tiết. Về không phạm, trong giới chú giải nói: như trên chỉ trao xa lìa thấy nghe thì không phạm.

Giới thứ hai mươi một: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ái đạo thỉnh dạy trao. Phật dạy tăng đến, nhóm tỳ-kheo sáu vị đến nói thế luận, do đó mà Phật chế. Trong danh không sai đàn-việt đến nên nói liền. Trong duyên lời số nêu bày năm loại, trước Phật khai nói tám pháp kính, còn bốn pháp đồng với ở đây.

Đầu tiên không sai là luật chế bạch nhị Tăng pháp sai đến.

2- Trong số nói lựa chọn phòng khác nói riêng không phạm.

Trong giải thích văn đầu trước nói giáo giới, nói tám pháp kính là luật nói, chẳng phải giáo thọ nói tám kính mà kết, Tăng không sai mà nói pháp phạm đọa, cổ sư chấp văn cho rằng ngày không nói tám kính phạm hai tội cát-la không sai mà nói pháp phạm hai tội ba-dật-đề. Nay sư không phải như vậy, nói chẳng phải ngày cổ kết. Không sai cho nên phạm Ba-dật-đề. Trong văn nói tám pháp kính xen nhau nêu bày, nên biết ngày thọ sai chẳng phải nói cả hai đều phạm cát-la, không sai liền dạy hai pháp cũng đều phạm ba dật đề, như trong văn rộng nói (tám pháp kính như thiên ni có nêu).

Kế nói ngày sai, dẫn trong luật Tăng-kỳ là luật không có văn, ba pháp trước trong luật nói: giờ chưa đến, trong chú giải ba ngày sau là mười sáu, mười bảy, mười tám (tháng không trăng thuyết giới tức mừng một, mừng hai, mừng ba, hai ngày sau là trong luật nói: quá thời gian trong chú giải đi cũng như đến, hai ngày tức ngày hai mươi chín, ba mươi (tháng có trăng tức ngày mười bốn, mười lăm). Lại nói: không dứt quãng mười ngày giữa hắc bạch phải đến (bạch nguyệt thì mười chín đến hai mươi tám, hắc nguyệt từ mừng bốn đến ngày mười ba).

Khoa kế trên nói pháp rộng ít thực hành, nay ở sau chỉ lược pháp như khác nhau, mười đức như nói trong thiên giới.

Giới thứ hai mươi hai: Phật ngự tại nước Xá-vệ, tăng sai Nan-đà đến giáo thọ, rồi mền đọa thỉnh lại, đến chiều ni ra khỏi kỳ-hoàn về đến Xá-vệ, cửa thành đã đóng, rồi ngủ trong hào thành, người đời chê bai cho nên Phật chế. Sơ chép: vốn ở chùa Tăng nhân vì lỗi mới chế khiến đến chùa ni, trong duyên có thể thấy, xếp vào duyên, duyên đầu do không sai nhưng phạm giới trước, trong giải thích có hai tiết.

Ban đầu y cứ vào lựa chọn pháp. Nếu hỏi là hỏi nghĩa, việc khác tức là duyên trên gần chung tất cả, dời đổi kéo dài đến chiều. Sơ chép: các việc tụng thọ kinh đến chiều đồng với chê bai, tại sao khinh là do giáo thọ có pháp nhóm hợp ni dễ nên xem trọng, các việc không thuộc về pháp nên coi khinh, trừ ni kế ở sau người lựa chọn cũng đủ bốn pháp trên, lược nêu văn thọ kinh chữ thoát, v.v..., trong giới chú giải có, trong cái không phạm lại nêu sáu đoạn.

Đầu tiên là thuận giáo, trừ kế ở sau là đối với người nam, ở đây khai cho tội độn-cát-la.

2- Điều kiện duyên, ni do đó cho.

3- Thuyền giúp chỗ.

4- Đi với khách.

5- Đến chùa Ni, do bốn duyên khởi ni đến chùa tăng nên ở đây có khai, nếu lấy chế sau lẽ ra không khai.

6- Do người thỉnh này cũng ở chùa tăng, trong luật chép: ngày thuyết giới đến thỉnh giáo thọ gặp người nói cho nên nghe.

Giới thứ hai mươi ba: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, các Ni nghe thầy giáo thọ đến ra đón rước cung cấp, nhóm tỳ-kheo sáu vị ganh ghét nói: “họ không thật, chỉ vì ăn, “do đó mà Phật chế giới”. Lệ theo trong duyên, một, hai và sáu đều thuộc về người chê bai, bốn là lời chê bai. Trong phần không phạm, đầu tiên đến như hỏi về sự thật, là chữ cúng dường quán chung bốn pháp sau, hai loại nói chơi và lầm vô ý cho nên khai.

Giới thứ hai mươi bốn: Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo-ni tu hạnh khát thực thường thỉnh không thọ, sau được y cho Cô ni, ni liền thọ, bị người chê trách thường nói với người, cho nên Phật chế. Trong duyên, số có năm loại, thêm pháp thứ ba làm chẳng phải đích thân tướng, duyên đầu trong luận Tát-bà-đa nói ba chúng ni đồng phạm, ở sau làm y kỳ hạn đi cũng vậy, nay tông phải là Đại ni tiểu chúng chỉ kết, trong số y theo giới giặt y, hai pháp sau đoạn khinh, số trong thứ ba nói, trong văn không rõ thước tắc, mà lỗi lầm lớn nhỏ đều phạm Ba-dật-đề. Trong phần không phạm, trừ mua đổi trong luật nói: dùng y đổi y, chẳng phải y đổi kim dao, chỉ sợi cho đến cỏ thuốc, v.v... ở sau cùng với ba món báu phân biệt, văn lược bà con trong giới chú giải có nói đủ.

Giới thứ hai mươi lăm: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lu-đà-di vì cô ni may đại y, cắt làm hình ảnh đang dâm khiến cho đắp mặt trước chúng, người thế tục sinh cười chê, cho nên Phật chế.

Giới số trong duyên có bốn, thân pháp thứ ba tự đưa sai làm giải thích trong pháp thứ ba, ban đầu chỉ bày chánh phạm. Nếu lại ở sau nói các lỗi phạm. Trong số chép: đã làm kim dao, cho nên tùy theo vận kết (nói về chánh phạm). Các thứ thoa, v.v... phương tiện chỉ khinh không phạm có ba: hai pháp trước rất dễ hiểu, mượn dùng chữa trả lại chỗ cũ chẳng phải vì họ làm, tương đồng mà duyên khác.

Giới thứ hai mươi sáu: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Ca-lu-đà-di khởi ý dục với các cô ni ở ngoài cửa, cư sĩ cùng nhau chê bai, nên Phật chế. Duyên đầu trong lời số làm ba chúng ni, trừ người nữ thế tục

không phạm giới này, thứ hai một vị cô ni ngoài ra có người gọi là người thứ ba, bất luận đạo tục nam nữ, có thì không phạm.

Duyên thứ ba, Số chép: trong duyên ngoài cửa đồng ngồi chỉ thuộc về chỗ trống, trong giới bốn nói ngăn che, cho nên biết đều kết (trong giới bốn nói: ngồi ở chỗ ngăn che) y theo biết ngăn che, chỗ trống cho nên hợp chế.

Trong pháp giải thích thứ tư, trong luật Thập Tụng một trường ba trước đều biện về tướng mà không rõ bày chỗ, y theo ở sau người nữ ngồi.

- 1- Tìm bên trong mắc tội đọa.
- 2- Tìm phân nửa phạm Đột-cát-la.
- 3- Tìm trở về trước không phạm.

Trong luật Tăng-kỳ nói nhiều nghĩa tội. Câu đầu nêu bày hoặc ở sau hiển tướng.

Ban đầu y cứ vào cùng ăn để nói tướng phạm, nhưng khiến cô ni đến thành người thứ ba, đi liền kết phạm, tùy theo họ đến đi thì có nhiều tội, Tỳ-kheo kế ở sau nói khởi phạm lỗi, nghĩa là khiến cô ni khi đi Tỳ-kheo sợ phạm, nên trước tự khởi muốn cho Ni đi.

Trong pháp giải thích thứ ba, đầu tiên dẫn trong luận Tát-bà-đa chỉ bày riêng lỗi ngăn che, do người không thấy bụng lưng không hổ thẹn suy nghĩ hành dâm dục, cho nên dùng hai lỗi để ra lệnh chỗ kia, kế dẫn trong văn luật không giải thích ba duyên.

Đầu tiên giải thích thứ ba, chỉ như trước, khói bụi, đen tội gọi là thấy ngăn che, thường nói không nghe gọi là nghe bị ngăn che, y cứ nơi đây để luận chứa chắc ngăn che, như kế ở sau giải thích hai và bốn. Số chép: đều xen có không, thành toàn chứng, cho nên phạm Đột-cát-la, lại là giới ngồi mà đứng cho nên thuộc về khinh, không phạm có bốn.

- 1- Đồng bạn.
 - 2- Người thế tục.
- Hai loại này đều cho rằng có người thứ ba.
- 3- Cho là chẳng phải ý.
 - 4- Tức gặp nạn thiếu bịnh duyên.

Giới thứ hai mươi bảy: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm Tỳ-kheo sáu vị và nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị cùng đi, người đời chê bai, nên Phật chế. Trong duyên, y cứ theo số có sáu, thêm chỗ không lia thấy nghe thứ tư, lia thì không phạm. Thứ hai nói cùng đến chỗ thôn, thánh, nước, v.v... nào đó. Thứ ba nghĩa là chẳng phải bạn đi nghi là duyên sợ hãi.

Thứ năm là thôn xóm tùy theo phần chừng của thôn, chúng đông mỗi mỗi rơi vào chỗ không đến mười dặm mắc tội đọa, hoặc giảm một thôn giảm mười dặm đều phạm Đột-cát-la, không phạm có bốn.

1- Không cùng kỳ hẹn là trong số nói: trừ ngẫu nhiên gặp nhau hoặc kỳ hẹn không cho, mà không lia thấy nghe, đều không phạm hai việc lớn là duyên luật, rất đông Tỳ-kheo, cùng chúng Tỳ-kheo-ni đều muốn cùng nhau từ nước Xá-vệ đến Tỳ-xá-ly, do Phật chế giới không cho đồng đi, Ni chúng đi sau bị giặc cướp, rồi bạch lên Phật, Phật khai cho hai chúng đồng người, nên nói việc lớn, nay một Tỳ-kheo nhiều Ni cũng khai.

Lại số chép: Đi đường xa với lấy lỗi lớn chê bai, dù có nhiều Tỳ-kheo mà một cô ni cũng phạm, phải được nhiều Ni mới khai, ngồi chỗ chê bai tội khinh có hai Tỳ-kheo thì không phạm vị (giới trước khai thông tăng nhiều ni ít không phạm).

3- Nếu đến nơi an ổn, như bệnh, v.v... duyên khác thì phải trước đến.

4- Duyên nạn mạng sống, nạn phạm hạnh văn lược thế lực bị ràng buộc nên nói, v.v...

Ở sau dẫn trong luật Thập Tụng ý lỗi ngăn khai đồng với trước chỉ phụ thêm y.

Giới thứ hai mươi tám: Phật ngự tại nước Xá-vệ, nhóm tỳ-kheo sáu vị cùng nhóm tỳ-kheo-ni sáu vị đi thuyền chung, bị người chê bai nên Phật chế. Trong duyên, theo số có sáu nhưng trong ba pháp chia ra bốn, năm.

3- Đồng một thuyền.

4- Thuận dòng lên xuống.

Văn khai thẳng độ, phải y cứ vào lên xuống qua lại mới kết, lại chỉ tác ý, vừa vào liền phạm, không đợi thuyền đi. Thứ năm nghĩa là chẳng phải thẳng qua mắt duyên cứu giúp. Thứ sáu hai chân vào thì phạm, luật nói một chân ở thuyền, một chân ở trên đất phạm tội Đột-cát-la, theo số, người nữ thế tục cũng phạm. Trong không phạm, luật nói: là thẳng qua bờ kia (chỉ khai qua bờ chẳng phải nói đường xa), mắt cứu giúp là vốn thẳng qua, lên xuống chẳng phải ý.

Lại nói: đến bờ kia không an ổn (trở lại lên xuống). Thế lực trói cột nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, v.v... đều khai.

Giới thứ hai mươi chín: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, cư sĩ thỉnh

Xá-lợi-phất, Mục-liên thọ thực, Thâu-la-nan-đà ni nói: đây đều là người thấp hèn khuyên thỉnh Điều-đạt là rỗng trong rỗng, do đó Phật chế giới. Trong duyên thứ hai biết, sơ chép: biết là phi pháp trong giải thích bốn luật, đầu tiên nói khen ngợi, hai câu trên, tức mười hai hạnh Đầu-đà, lược nêu trước sau ba loại nên nói cho đến, khen trở xuống bốn loại danh tướng nên biết.

Kế giải thích ăn, đầu tiên nói giờ ăn, sơ chép: Đại thừa, Tiểu thừa hai cách ăn đều phạm, trở xuống nói các vật. Trong sơ chép: về y khinh thì tài trọng khó xả, đèn dầu là vật nhẹ. Trong luật Tăng-kỳ có bảy. Câu đầu nhân người kia, Trưởng giả thấy Trưởng lão Tỳ-kheo, bày thức ăn cúng dường, ni lo liệu đến thỉnh, lúc bạch đến chỗ ăn, các Tỳ-kheo nghi ngờ không dám ăn, cho đến bạch Phật, Phật cho bỏ đàn-việt xưa, ở đây nói vốn là biết cữ, chẳng phải do họ khen mà đến thỉnh.

2- Cho đến trở xuống, luật chép: có xương cúng thì khen ngợi, đầu tiên đến giờ ăn khen ngợi, khi mới làm thức ăn khen ngợi, làm thức ăn xong rồi khen ngợi, khi có thỉnh khen ngợi, năm pháp này đều dùng. Lại có các tội đọa, văn bao gồm, nay nêu hai loại nên nói cho đến, trước nói lại có Tỳ-kheo không khen ngợi không phạm, lại nói đây là Đầu-đà chánh khen ngợi cho nên đọa.

3- Nếu nói nhiều cùng với không phạm. Trong luật nói đây không gọi là khen ngợi.

4- Nếu nói đồ chúng đều phạm, vì là nói bao gồm.

5- Nếu nói các chủ một người phạm, vì chỉ riêng.

6- Nếu có khen thức ăn trở xuống, e xin riêng mất thời phương tiện khai ăn.

Ban đầu khiến đổi thứ lớp khai tâm niệm. Chữ hứa đọc liền với ở trên là lời chỉ vật nhiều ít.

7- Nếu nói tôn giả trở xuống, nói tuy chung khắp mà chẳng phải khen đẹp, có thể còn thiếu. Trong luật Ngũ Phần trước khen mà không biết đến giờ ăn, chẳng phải khen ngợi nên đều không phạm. Trong cái không phạm sáu tứ đều dùng chữ nhược trong đó.

Đầu tiên là mê tâm.

2- Không nhân họ khen.

3- Tức tướng chuyển, Luật chép: giáo hóa khởi tướng giáo hóa (giáo hóa tức khuyên khen ngợi khiến cho thỉnh), còn bốn, năm pháp rất dễ hiểu, thứ sáu văn lầm. Trong luật nói không cố giáo hóa mà khát thực cho (nghĩa là ni xin thẳng thí chủ liền cho khen ngợi mà đợc), trong đây một và ba thuộc Tỳ-kheo, hai và năm thuộc đàn-việt, bốn và

sáu thuộc về ni.

Giới thứ ba mươi: Phật ngự tại nước Xá-vệ, con dâu và mẹ chồng tranh cãi về Tỳ-xá-ly. A-na-luật muốn đến nước kia làm bạn với người nữ, người chồng liền đến, đánh Na-luật gần chết, Phật do đó quở trách mà chế). Chỉ duyên đồng với trước, chỉ đổi duyên đầu người nữ thành khác, trong số có sáu loại thêm thứ năm không lìa thấy nghe, lại thứ ba không có duyên, trong số nói không có bạn, nhưng y theo văn luật không khai bạn giúp, nghi họ viết lầm, nay nói không có duyên, đời sau không phạm, không hẹn nhau, dẫn duyên như trên, bậc thánh dứt dục còn bị vu khống hủy nhục, đủ trời buộc phạm phu đầu tránh khỏi hiềm trách, nên ở sau hiển bày chế, trong luật vượt thôn kết tội đọa, trong thôn phạm tội Đột-cát-la, đây thời dờ bước liền chế, đủ nêu bày lỗi sâu, tha thiết răn dè đến nhờ lý phải cẩn thận vâng giữ. Trong cái không phạm, hai câu đầu chỉ là một duyên, không biết chữ nếu ba viết nhiều. Luật chép: trước không hẹn nhau phải đến nơi đó được an ổn. Số chép: duyên khai không kỳ hạn và nạn nên biết, hẹn với nhiều bạn cũng phạm, không giống trong Ni, vì là đồng pháp, ở sau nói hai nạn, thế lực bắt buộc đồng văn lược không dẫn ra.

Giới thứ ba mươi mốt: Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, nước Câu-tát-la không có trụ xứ, cư sĩ thường làm trụ xứ, thường ăn cơm với nhau, nhóm tỳ-kheo sáu vị thường thọ cho nên chế. Trong duyên đầu, lời số làm chẳng phải bà con cư sĩ thì lựa chọn bà con. Thứ tư tức ở sau khai bệnh trong pháp không bệnh có năm.

Câu đầu thuận chế.

Kế là nói lỗi của bệnh, nghĩa là do lỗi của bệnh mà nhận. Như chủ trở xuống nhiều người cùng ở lại, như kế trở xuống là thứ lớp đều thỉnh, trong luật nếu nhiều đàn-việt, hoặc con gái chị em, thứ lớp thỉnh trụ nhiều ngày là đây. Hoặc nước trở xuống là nạn gấp làm trở ngại không thể đến, văn lược trộm hổ sói, v.v...

Giới thứ ba mươi hai: Đức Phật đến nước A-na-tần-đà, nhân các Tỳ-kheo trước thọ đại thần thỉnh lại thọ cháo đặc của Bà-la-môn, vì thế lúc đến nhà đại thần không thể ăn nhiều, đại thần tức giận, bị Phật quở trách, sau Phật trở về thành La-duyệt, các Tỳ-kheo trước thọ Lạc sư thỉnh, sau cư sĩ cúng thí năm thứ ăn chánh, ăn rồi đến chỗ thỉnh trước không thể ăn nhiều, bị họ tức giận, cho nên Phật chế. Đối với nghĩa dễ

hiển bày, nên nói là chế. Số chép: tùy theo thể tục bỏ cũng không lỗi, duyên đầu trong số có bốn câu.

Ban đầu, trước, sau đều là Ba-dật-đề.

2- Trước chánh, sau chẳng phải chánh, Đột-cát-la.

3- Trước không chánh sau chánh.

4- Đầu không chánh thì không phạm.

Pháp thứ ba, v.v... đủ như trong phần không phạm.

5- Tỳ-kheo nuốt là lời số nói không đợi no.

Giải thích duyên đầu trong phần chánh thỉnh.

1- Dẫn hai pháp thỉnh chung đều có trái.

2- Kế là nói thể của ăn, năm pháp chánh nêu bày ba không bỏ giáo. Trù là quá nhiều, hợp với trên thành bốn, ở sau dẫn trong luật Tăng-kỳ lựa trên cháo đặc, vật tùy một thể mà dày mỏng phân ra khác nhau, lấy ban đầu rút ra chỗ không y cứ về ngưng đọng. Giải thích trái trong luật Tăng-kỳ có hai. Ban đầu nói trước thỉnh, hoặc kế ở sau kết phạm, nhà không bạch thỉnh phạm bốn mươi hai giới sau.

Giải thích phần thứ ba khoa đầu có ba, trước hết giải thích duyên bệnh, luật nhân Tỳ-kheo bệnh không được ăn theo người bệnh.

Kế giải thích duyên thí y. Trong luật nói một nhà thỉnh ăn riêng, y một nhà thỉnh ăn, Phật khai trái với trước, lại trong luật chép: Tự tứ xong không có y một tháng, có y năm tháng (Ở đây không khai trái, không bao gồm các y). Lại nói: nếu có cúng thí thức ăn và y dư, v.v... là đây nói gồm thí không hạn cuộc thời và phi thời, nên nói mười hai tháng. Nếu một ngày trở xuống nói xả thỉnh. Đầu tiên chỉ bày pháp xả, nếu không trở xuống là nói tướng phạm, dẫn năm trăm lời hỏi quyết ở trên được chẳng, người chủ hiềm khích không bỏ, lẽ ra cũng thành trái, y theo sáu niệm trước mà khai tâm niệm xả, khoa kế tông ấy khai bệnh hạn cuộc đến ba nhà, chỉ khai trái hai pháp, nếu cho lại trái, y lại khai không có tiết độ, giáo chậm cơ chậm, cho nên không được bốn. Trong phần không phạm có bảy, ba pháp trước như trên. Trong chú giải thứ tư cháo nghĩa là cháo loãng, ngoài ra thì nhánh lá nhỏ nhặt, v.v... Trong pháp thì năm chú giải rằng: ít thì phạm lấy đủ cảnh.

Thứ sáu là không thỉnh thì đầu được phạm.

7- Trước sau ăn nhiều lần mới có thể phạm đủ, mà không phạm trái ắt không hoại nghi đủ cũng không phạm. Luật chép: một chỗ trước sau ăn nghĩa là đồng chủ mà ăn khác chẳng phải trái nên biết, trong văn không đưa ra nên nói, v.v...

Giới thứ ba mươi ba: Đức Phật ngự tại La-duyệt kỳ, Đề-bà xúi người hại Phật, dạy vua A-xà-thế giết cha tiếng ác truyền khắp lợi dưỡng dứt bật, bèn cùng năm người khát thực riêng, do đó mà chế. Giải thích tên giới: nghĩa là người có thể phân biệt chỗ ăn thành chúng, vì riêng chúng nên không xếp vào đồng vị. Nếu lấy lời lại nên nói liệt chúng. Nhưng y cứ chỗ khác nhau chẳng phải không thông chúng chỉ phạm do hay phân biệt nên riêng hiển bày tên. Lại có thể y cứ vào chúng đã thông chúng riêng, thật như trong bốn sở, y cứ vào trong tướng khoa đầu, trong bốn luật có hai.

Ban đầu y cứ giải rộng nói về thỉnh riêng, tức văn khai duyên, Phật ban đầu chưa khai Tỳ-kheo, hễ có người thỉnh đều dùng lời này đối đáp, như trong số sao đã dẫn, đến sau bình Phật nên có bảy pháp khai. Nếu y trở xuống là thứ lớp nói về duyên khởi nói khát thực riêng, khó điều người tức triệu Đề-bà, nói Phật chế giới vì để nhiếp duyên (tông bốn chỉ có hai pháp đây). Trong luận Tát-bà-đa có đủ ba, đều luận không nhóm. Câu đầu gồm nêu, cũng ở sau riêng nêu, trên nói cũng rõ là cũng văn luật trước, ở sau nói cũng có là cũng hai loại trên, trong phần giải tướng, gồm nêu đều nói duyên là ba vị, mỗi vị đều đủ bảy duyên, như ở sau đã dẫn. Dẫn cứ chứng riêng, tức ở sau thường thấy hai luận hiện ba tướng khác nhau, trong tăng thứ thì khoa đầu lại y cứ thứ lớp Tăng, ngoài ra nêu hai pháp đồng, chỉ đổi thứ hai là khác.

Khoa kế có hai:

Ban đầu nói tăng giới khai pháp, phải chỗ Bồ-tát, tức biết pháp là chỗ ở, do Bồ-tát là pháp nhiếp chúng, thỉnh một người kia thì biểu hiện chúng nhóm, tự ở không cần, tức hai chỗ ấy không có tướng thỉnh đưa, cùng ở sau nhà thế tục khác nhau, như ở sau nói nhóm lại.

Ban đầu nói thuyết pháp đánh kiên-chùy, tăng giới người đồng không thể làm tướng, chỉ có hai pháp, lại ở sau nói làm trọng, về sau đến thành riêng. Hoặc trở xuống là nói lại thành riêng, hoặc ở sau nói nên chuyển, như ở sau giải rộng, như trở xuống kết chỉ bày, trong đó khát riêng, thấy trong luận có bốn câu lại dẫn câu đầu, ba pháp khác như ở sau. Trong luận Tát-bà-đa khát đồng chỗ, lại nói đồng khát khác chỗ thành riêng. Trong thỉnh riêng, tác pháp là đánh chuông xướng lệnh nêu hạ lạp, v.v... ngăn tội ăn, y theo lý là Đột-cát-la, như ở sau y cứ vào nhóm hợp nói phạm, y theo trên giới nội văn không có người, ở sau văn dẫn chứng, đồng ngôi khác vị cũng tức nhóm hợp là phạm, y theo quyết trong đó gồm đoạn ba vị, không nhóm hợp đều đồng, nhóm hợp thì phạm có riêng, Tăng thứ lớp nhóm hợp thì không có lỗi, còn hai pháp

nhóm họp thì phạm, là thỉnh riêng như trên, khát riêng y cứ theo đồng.

Kế là trọng phần giải thích. Lại nêu rằng: y cứ về duyên tức bảy duyên trên trong văn chỉ giải thích năm loại, ba và bảy dễ hiểu, khiến hai câu sau nêu ra ý rộng của trọng.

Trong phần đầu, trước nói phân biệt với lẫn lộn, đời nay có người một phen khẩn khái chỉ nói riêng chúng, không biết Tăng ăn tự phạm tội nặng ăn trộm, lại có khi thấy đem vị lạ ở trong chúng ăn riêng, lại nói ăn riêng chúng, việc tuy chẳng phải lý gọi là Giáo thiên thừa, không thể lẫn lộn, nên ở sau dẫn chứng. Tăng-kỳ dịch là chúng, tức y cứ vào các vật thường trụ, tức trong tăng cương, duyên thứ hai, nêu Tăng riêng tức như ở sau nói thí chủ thỉnh riêng tăng thứ lớp bốn người, nhưng không có tên nhất định nên nói Tăng thứ, trong tăng thứ có năm phần chia làm ba.

Ban đầu chọn người có khả năng thọ, văn nêu năm loại, đều có thể dự số mà không thể lựa chọn, trừ giới ác là trong số chép: một loại Tăng thứ ắt dùng tịnh giới làm trước, trái phạm hiến chương không cho thọ lợi, v.v... (y theo phạm tội nhỏ tức là đã chọn). Nếu trở xuống hai pháp chỉ bày pháp Tăng thứ lại có hai.

Ban đầu là chỉ bày, về sau nói lên chẳng phải dùng pháp chấp, tuy không định tên mà lựa chọn sở học ấy, tức chẳng phải Tăng thứ. Ở đây nói tuy chung mà riêng, chẳng phải bình đẳng. Trong Thập tụng trở xuống ba pháp dẫn văn chứng, trong luật chép: có người thỉnh Phật và năm trăm vị La-hán.

Phật nói: không có tên thỉnh ruộng phước tăng, nếu có thể ở trong tăng thỉnh một Tỳ-kheo dưỡng như cực ác, cũng mắc vô lượng quả báo, dữ trở xuống thêm một ý đồng, như ở sau chỉ lược tức quyển sau thiên phó thỉnh, khoa đầu trong phần thỉnh riêng.

Ban đầu đến chỗ không thanh tịnh nói pháp thỉnh ban đầu.

2- Nếu chín mươi ngày trở xuống nói tiếp tục theo pháp. Trong phần đầu lại có hai:

Đầu tiên nói trước thỉnh, trường thỉnh là không chừng hạn ngày, đến sau nói về nhóm.

Đầu tiên không ngăn đến nhóm hết, trước không có thỉnh riêng nghĩa là ngoài thỉnh không chừng hạn còn tất cả lập khắp không có kê riêng, thì hai ngày trở đi dù ngăn cũng không có lỗi, không thể ở sau nói có ngăn khỏi lỗi, không thể không ngăn ăn mà không đủ cung cấp. Khuyến hóa Tỳ-kheo tức là môn sư. Nói sáu mươi hạ là nêu số nhiều để nói, cho đến năm mươi chín trở xuống thứ lớp giảm xuống. Nói đều

không lưỡng xướng thành pháp là khởi hoạn sau nếu không ở sau nói trái giáo kết phạm, có không đều là tội, văn tướng nên biết. Hai pháp là đánh kiên-chùy xướng hạ (hoặc có thể ngày đầu và mỗi ngày thành hai, kể là tiếp tục trong pháp cung cấp, tức pháp trước do tương tục không dứt, cho nên tăng phòng, v.v... phải xướng là y theo đường như hạ bốn việc đầu đều xướng, vị ăn là chung, pháp xướng cũng tiếp nối nên không xướng lại, phòng xá thuộc riêng, kỳ hạn đã đủ nên phải xướng riêng, hai pháp đến trong giới, văn có ba tiết.

1/ Ban đầu nói ngồi ăn với một oai nghi khác vị đồng không phạm.

2/ Như đại giới trở xuống nói một giới mà hai viện Bồ-tát có thỉnh tiến hay chãng.

3- Nếu thí chủ trở xuống là nói pháp người thế tục đem thức ăn vào giới thỉnh tăng.

Ban đầu nói tăng thứ, tuy không phân biệt mà số người có hạn, nên nói thỉnh riêng tăng thứ (hoặc chia làm hai thỉnh, ở văn chãng phải tiện) hoặc sẽ trở xuống nói thỉnh riêng.

Ban đầu chỉ bày tác pháp, tự ở không cần nghĩa là hai ba chỗ không tiến đưa nhau, chữ Thủ là hợp lam thỉnh, lập thỉnh trở xuống nói ngăn sau thành phạm, nếu không như vậy ở sau phương tiện lìa lỗi, nếu làm trở xuống mê quên khai pháp, trong Tăng tức chỗ Bồ-tát, đặt ở đầu vị Thượng tọa là tiêu biểu thuộc về tăng, chỉ bày muốn đưa đến. Nếu đường xa thì trong luật nói cách nhau mười câu-lô-xá (hai mươi dặm) lấy thức ăn thứ lớp hành là tiêu biểu tiến đưa vị tăng ấy. Trong ba tụ lạc. Ban đầu nói hai chỗ đưa lẫn nhau, văn đại khái đồng như trước, mượn kể ở sau nói một chỗ nhóm họp.

Ban đầu nói nhóm họp không đánh, ở sau nói phạm. Nếu không trở xuống là khai không phạm.

Hỏi: Trên nói thỉnh riêng trong giới không người cũng phạm, nay nói không thuộc nghi có phạm hay không?

Đáp: Vì họ có tâm ngăn nên không đồng với ở đây, trong bốn pháp chuyển nhau.

Ban đầu chuyển Tăng thành riêng, hoặc ở sau chuyển riêng thành Tăng, đều từ đoạn sau, đều mất tên gốc (bốn đoạn trên đều là toàn văn của luận Tát-bà-đa).

3- Nói về khát riêng: trong Thiện Kiến có bốn câu tức do đi khát họ thực bốn việc xen nhau mà nói về đồng biệt, nhưng nói có tính lược. Ở sau tùy theo mà đầy đủ.

Ban đầu đồng khát, biệt khát đều phải gồm đi, do một bề đồng

khất tướng phạm để biết, nên ở đây đều nêu hoặc đồng hoặc biệt, mà ở sau nói lúc thì chỗ ăn hai pháp này đều đồng, câu kế hợp có pháp khất thì đủ có pháp biệt, chỉ có thọ đồng. Trong chú giải nói khác, luận thì căn cứ thọ đồng mà khác chỗ cũng phạm, trong luật y cứ cùng chỗ, không cùng chỗ khai, nay vì phải y theo luật, trong câu này lược tướng phạm, thứ ba phải có đều khất, ẩn trong lúc đi thì bốn món đều biệt, thứ tư hai pháp biệt hai pháp đồng bốn món đều đủ, nghĩa quyết trong đó, trên dẫn trong luận Tát-bà-đa biến tăng là biệt, không y cứ vào trong giới không có người, cho nên ở đây ban đầu quyết phạm, như ở sau chỉ bày tên gọi, giải thích duyên thứ tư nói trong khoa đầu. Luật Thiện Kiến và Tứ Phần đại khái đồng nhau, hai bộ xen nhau, trước sau hai chúng không đủ bốn. Khoa kế trong luận Tát-bà-đa trước nêu ba tướng, như ở sau giải thích lý do, ngộng cuồng bỏ thể tướng chẳng phải tăng, khác cội duyên cách không đủ, nên ở sau kết thúc chỉ bày, chỉ gồm thâu hai pháp trên, hoặc thể trái nhau cũng gọi là không tốt.

Hỏi: Mọi người ở chỗ ngủ thiền định có thành riêng chúng hay không?

Đáp: Lẽ ra cũng không thành, trong luận lại nêu tâm bệnh hoại tâm người, Tỳ-kheo-ni và hai chúng Sa-di ở ngoại giới nhập định, đều chẳng phạm, nay lược nêu tâm cuồng thuộc về duyên sai (miên định v.v...). diệt tận gồm thâu thể ược (mười ba nạn, ba lần nêu v.v...). Khác cội thuộc về trái nhau (giới tràng bên ngoài duỗi tay phải đưng, v.v...). Hiện trong chỗ khoa đầu, dẫn luận trước nói tăng thí hai thứ thức ăn, tăng ăn không khác với nghĩa nên hiểu, nếu thí chủ ăn y theo ở sau cũng phải trước sau khác thời. Như bốn người trở xuống là nói khất riêng, luật trở là hội thích khác nhau, do luật duyên khởi năm người như Điều-đạt v.v... khất riêng mà chế, nên ban đầu chỉ bày luật kết phạm, ở sau phải quyết luận không phạm hai văn xen hiện nghĩa không trái nhau. Trong liệu giản câu đầu nhóm hết tức ăn một chỗ. Câu thứ hai như trước phòng nhà không cho ra ngoài. Tăng nhóm hết nghĩa là một chỗ, không đồng vị tức ăn riêng, như trong luật trở xuống nói khai pháp, được lợi ích nghĩa là đồng được ăn, chú giải y cứ vào chỗ trống giải thích trên cùng ngồi, chỗ khuất lại xa, cũng gọi là một chỗ, câu thứ tư nên hiểu duyên thứ năm khoa đầu trong phần giải thích, trong luật Ngũ Phần y cứ vào tăng thứ, tâm bố thí không lựa chọn, kêu khắp là nói, do ở sau ba chúng đồng ruộng phước, đối trong chúng văn luận đầu tiên nêu bốn giới, không ngoài tác pháp tự nhiên. Tự lại có hai, như trong kết giới, nhà tức xóm làng, cũng thuộc ranh giới xóm làng, đồng trống

Lan-nhã một Câu-lô-xá y theo luận hai dậm, đạo hành thủy giới vẫn tuy không rõ nghĩa nhưng phải y theo thuyết, chỉ có nạn, Lan-nhã thời chẳng phải bàn luận, riêng Bồ-tát nhân nhau mà dẫn chẳng phải ý trong đây. Nếu tăng trở xuống là nói thành tướng phạm.

Ban đầu nói sở biệt, ăn xong không phạm, do trước tăng không trọng lý ăn nên nói không được. Như Tăng trở xuống nói chưa ăn kết phạm, vẫn sau chọn cảnh, lại nêu ba người, như đến dẫn đủ, vẫn chú giải có hai tiết. Ban đầu chỉ bày chung ba người, không ngăn tăng ăn, e rằng chẳng phải riêng không cho ăn, trong ấy diệt tận tài pháp tuy mất nhưng thể vẫn còn, trừ tăng khác cúng thí còn thiếu phần ăn, như ở sau chỉ bày Sa-di, do biệt tuy không tổn mà nhóm họp thì có lợi ích, tức trước pháp xướng cho đến Sa-di đây (Tăng thứ thủ tịnh diệt tận ngưng cuồng không thành), nói trong ba vị.

Đầu tiên chỉ bày các bộ, chỉ có hai loại.

Kế là nói trong luận Tát-ba-đa lại thêm Tăng thứ, trong chú giải chỉ trong văn ở trước có dẫn rộng.

Hỏi: Ban đầu giới đã nêu ba vị, vì sao nói lại.

Đáp: Văn trước chỉ nêu ra chỗ, ở đây nói ba vị có chung không nhóm, nên khác nhau.

Trong duyên thứ sáu, đầu tiên dẫn trong luật Thiện Kiến có nam pháp đầy đủ, hai pháp trước chính là chuyển riêng thành tăng nên khỏi lỗi biệt, ở sau cả ba đều nói chúng không đủ bốn, chẳng phải biết nên biết. Trong chú giải thứ năm, e là xen lẫn lúc bệnh, nên đặc biệt phân biệt, do bệnh chỉ khai mình điên cuồng, v.v... nên khai cho họ. Bảy duyên trong bốn tông, trong một duyên bệnh lại nêu đến khinh, vì thuộc về trọng, trái lại chia chẻ.

Sớ chép: thân ôm lo buồn, nếu không khai riêng thì không do đâu cứu mạng, làm hai áo trong, một tháng năm tháng cùng ở sau năm phần thì y làm sao khác, nay y theo sở giải thích trước rằng: làm y lâu dài e bỏ chánh nghiệp, giải thích ở sau rằng: Thời y cấp chung, vì giúp làm việc mùa hạ, nên biết tuy đều là trong thời mà trước y cứ vào chế tạo, sau chung trong thời, không làm đều khai. Thứ ba trước nói trong mười hai tháng, tùy theo có y thực thỉnh chỗ khai trái, hai giới duyên đồng, nên lược chỉ. Sớ chép: thí y không thọ sau cần khó được. Bốn năm đường thuyền hai hạnh. Nói hạ chí là chỉ bày lượng rất nhỏ, trở về trước đều khai, giảm lẽ ra phải chế. Sớ chép: con đường truyền có nhiều ngăn ngại, trong sáu pháp khoa đầu, bốn người trăm người, đây gọi là năng biệt, cần phải đủ chúng, dư một người thì gọi là sở biệt, chưa chắc

nhiều người khiến chúng kia đều phạm lỗi riêng, nên nói là hoạn, ở đây do bốn phạm ngược lại giải thích ý khai nhưng ý nói khó hiểu nên phải chú thích.

Ban đầu y cứ vào thiếu khai bày tướng, lại ở sau giải thích thành ý khai. Nói hạn cuộc nghĩa là nhà cúng thí vật ít, khát thực khó được là nói Tỳ-kheo không thể tránh. Sớ chép: thức ăn ít mà nhiều người nên không khai đưa.

Khoa kế đầu tiên là nêu lỗi. Kinh liễn tức Kinh Triệu (vua là Đô xứ, nghĩa là liễn hạ) không y theo số tăng thì không gọi là thỉnh điển âm điển, ế âm ế, nghĩa là ải bị ngăn lại, đích thân trở xuống là quở trách răn dè, ngăn khách riêng ăn trở xuống đã đưa ra làm, hướng chỉ biển Tăng đồng hòa, lại tự an nhẫn, nên nói lỗi nặng. Liễm tích nghĩa là đóng điều ác chớ làm nữa. Trong Ngũ phần trở xuống là dẫn chứng. Trong luật nói, nên nói người chủ cho vào, nếu không cho thì ban đầu khiến cho đến chùa, nên nói nhẫn đến, duyên luật trong bảy pháp, em gái của vua Bình-sa có con, xuất gia trong ngoại đạo, đến Tăng phường bày thức ăn nên Phật khai.

Sớ chép: Sẽ giáo hóa cho vào đạo nên khai thọ cúng duyên trong bộ khác.

Sớ chép: Trong luật nói làm y rồi là khai hạn cuộc, sao dùng thời y.

Đáp: y cứ ý bốn thọ có dài ngắn. Văn chép: cho đến một đường may rất ngắn (ngắn tức là trong luật Tứ Phần làm y dài, nghĩa là thời y của luật Ngũ Phần).

Kế là nói trong dẫn chứng, trước dẫn thêm một bộ luật nói: Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, Trưởng giả thỉnh năm trăm vị như Xá-lợi-phất, Mục-liên, v.v..., Đức Phật như trong số sao, uống nước biển lớn do tâm thông Tăng bảo không có chỗ phân biệt, tuy được một người nhưng đó là cúng dường phàm thánh mười phương. Sư tử trở xuống là thọ giáo phụng hành. Đức Phật khen trở xuống là bậc thánh khen ngợi, trong kinh Hiền Ngu nói Di Mẫu tự se sợi làm một tấm gia mầu vàng dâng lên Phật. Đức Phật nói: nên đem cúng cho tăng thì được phước vô lượng, nếu ngày mười sáu đầy đủ. Trong Tăng hay nói đều có bốn quả bốn hướng, chưa đủ thành nhiều, còn bao nhiêu như trong số sao. Ôm xốc lên, là tăng danh tự không thật đức.

Hỏi: Trước dẫn luật Ngũ Phần giới trừ ác, ở đây vì sao trái nhau?

Đáp: Trong số chép: trong năm phần lựa chọn toàn là người, trong kinh Hiền Ngu lấy người thô, phá giới thọ thí lại lấy vật tin sinh bên

ngoài, khiến chúng tăng tự cảm được phước cúng thí, chẳng nói hạnh thiếu mà tiêu được của tín thí (ý trong số) riêng cho rằng: Năm phần trừ ác trong Phật đang chú nước không tiêu. Trong Mẫu luận mở bụng, trong luật chứa của báu đối với thế tục quở trách chế, đối với cúng thí hưng trị năng sở đều đọa, các loại như vậy v.v... đều cho là trong chúng cực thành khiến tự sách tấn. Tăng nhất hiền ngu thậm tụng thiện sinh đều y cứ đạo tục, e chột khinh mạn tăng chúng, tự vờ lấy tội đọa, biết phải thọ tịnh giới, không tịnh thì tự sa đọa không nghi ngờ gì, thí sẽ cùng khắp, không khắp thì chỗ bố thí không phước, dùng đây phán xét không có trái, gồm phán trong đó.

Đầu tiên nói công ích chung phân ra chín loại, chú giải hiển rõ tám duyên, tướng ấy nên biết.

Kế nói ở chặng giữa.

Đầu tiên không có duyên, số chép: không hơn chín pháp giữa sáu pháp trước. Người có duyên có thể tự được lợi ích. Người vô duyên thì phải bạch xuất. Như ở sau có sáu duyên trên chế khiến bạch nhập, ba pháp sau bao gồm chúng, nên chỉ nói là sáu. Nếu y cứ đại chúng cũng là thông chúng, do chẳng phải cần kiệm thời gian chia thành hai bộ bạch xuất nhập lẫn nhau.

Số chép: Sở dĩ bạch xuất là được ý thí chủ. Bạch nhập là trong được ý Tỳ-kheo. Nói Tỳ-kheo thứ lớp là luật nói: là tùy theo thứ lớp Thượng tọa mà nhập.

Số chép: Thân là có duyên nhập, phải có nghi thức không bạch phạm Đột-cát-la là trái giáo.

Hỏi: Không có duyên bạch xuất, không bạch có phạm chăng?

Đáp: Nói về đồng trái giáo lý nên y cứ mà kết, hoặc có thể không bạch mà xuất không tổn ở chúng, nhập thì ngược lại, nên chế phạm tội, không phạm là chỉ bốn trước khác chín loại.

